MBS

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

Bứt phá vươn mình - Nâng tầm vị thế

www.mbs.com.vn

MỤC LỤC

01 THÔNG ĐIỆP 03

Thông điệp Chủ tịch HĐQT 04
Dấu ấn 2025 06

02 TỔNG QUAN VỀ MBS 09

Giới thiệu công ty 10
Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi 11
Quá trình hình thành và phát triển 12
Lĩnh vực hoạt động 13
Mô hình tổ chức 14
Mạng lưới hoạt động 15
Giải thưởng nổi bật 16

03 NHÂN SỰ CHỦ CHỐT 18

Hội đồng Quản trị 19
Ban Kiểm soát 20
Ban Điều hành 21

04 KẾT QUẢ KINH DOANH 22

Môi trường kinh doanh 23
Kết quả kinh doanh 24
Hoạt động Quản trị rủi ro 25

05 BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP 27

Thông tin dành cho cổ đông 28
Báo cáo của Hội đồng Quản trị 31
Báo cáo của Ban Kiểm soát 35
Báo cáo của Ban Điều hành 37
Lương, thù lao, thưởng 42

06 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 44

07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH 54

01

THÔNG ĐIỆP

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT và Dấu ấn 2025

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và CBNV MBS,

Thị trường chứng khoán thế giới đã tăng điểm mạnh trong năm 2025 bất chấp những biến động do cuộc chiến thương mại của Tổng thống Mỹ Donald Trump gây ra. Chỉ số Vn-Index sau khi đạt đỉnh 1.805,93 điểm vào ngày 25/12/2025 đã khép lại năm 2025 ở đỉnh cao lịch sử (1.784,49 điểm) và thị trường chứng khoán Việt Nam đã có một năm tăng trưởng mạnh mẽ ở chỉ số và thanh khoản. VNindex tăng 40,87% cao hơn cả năm 2021 (+35,73%) và chỉ đứng sau năm 2017 (+48,04%), trong đó mức tăng năm 2025 chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn (nhóm VN30 tăng 51%) trong khi nhóm Midcap và Smallcap chỉ có mức tăng lần lượt tăng 16,7% và 1,7%. Thanh khoản toàn thị trường năm 2025 bình quân đạt 28.890 tỷ đồng/phiên, tăng 37% so với năm 2024. Khối ngoại bán ròng kỷ lục năm 2025 với tổng giá trị 135.329 tỷ đồng, đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp của khối ngoại trong chuỗi bán ròng 5/6 năm vừa qua.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và tinh thần đoàn kết của tập thể CBNV, MBS đã đạt được những kết quả ấn tượng. Cụ thể: Doanh thu đạt 3.665 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt 1.415 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ năm 2024, và đây là mức lợi nhuận cao nhất trong lịch sử 25 năm hoạt động của Công ty. Chỉ số hiệu quả ROE đạt 15,2% đứng TOP trong nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất HSX. Công ty cũng đã tăng trưởng được thị phần môi giới: 6 tháng cuối năm đứng TOP 6 HSX (tăng 1 bậc) và thị phần cả năm đạt 5,37% duy vị trí TOP 7; thị phần HNX đạt 6,08% duy trì TOP 5; thị phần phái sinh đạt 4,24% tương đương TOP 6; thị phần UPCOM đạt 5,91% duy trì TOP 5. Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 đạt 7.995 tỷ, tăng 16% so với 2024. Tổng tài sản đạt 30.776 tỷ tăng 39% so với cùng kỳ.

Với định hướng chuyển đổi toàn diện, công ty tiếp chú trọng đầu tư nâng cấp, cải tiến hệ thống công nghệ thông tin, ứng dụng số và AI không chỉ trong kinh doanh mà còn từng bước ứng dụng vào hoạt động quản trị, vận hành. Trong năm, công ty tiếp tục nâng cấp các nền tảng/ tính năng/ sản phẩm theo hướng thông minh hơn như Dolphin AI và golive các hệ thống giao dịch sản phẩm, tăng cường an toàn thông tin trong bối cảnh an ninh mạng phức tạp, hoàn thành quá trình đánh giá và nhận chứng chỉ ISO 27001 cho hệ thống công nghệ thông tin.

Ông Lê Viết Hải
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

"Với phương châm hành động: "Tăng tốc - Vững chắc – Hiệu quả" và phấn đấu tăng trưởng mạnh mẽ về hiệu quả kinh doanh, MBS dự kiến lợi nhuận trước thuế đạt 1.850 tỷ đồng và ROE tối thiểu 15%".

Hoạt động quản trị và điều hành của Công ty đạt được nhiều kết quả nổi bật, cụ thể: (1) MBS tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai các sáng kiến chiến lược trong giai đoạn 2022-2026; (2) Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường năm 2025, hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông và tăng vốn điều lệ từ 5.728 tỷ đồng lên 6.587 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh; (3) Tiếp tục đầu tư công nghệ mạnh mẽ và thúc đẩy hoạt động kinh doanh số để bảo đảm an ninh an toàn thông tin và tăng trải nghiệm khách hàng; (4) Kiểm soát chặt chẽ danh mục chứng khoán cho vay, linh hoạt điều chỉnh chính sách kịp thời trong điều kiện thị trường biến động mạnh đảm bảo an toàn cho Công ty cũng như khách hàng.

Đạt được kết quả khả quan đó, bên cạnh sự lãnh đạo đúng đắn của Hội đồng quản trị MBS, phải kể đến sự định hướng và hỗ trợ từ phía cổ đông lớn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (MB) cộng với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV trong công ty. Kết quả này cũng khẳng định được định hướng chiến lược đề ra là hoàn toàn đúng đắn và sẽ là tiền đề quan trọng cho MBS phát triển bền vững trong giai đoạn tiếp theo. Bước sang năm 2026, với những dự báo lạc quan về thị trường chứng khoán, MBS đang tiếp tục triển khai miễn phí giao dịch cổ phiếu cho khách hàng mở mới tài khoản giao dịch trên kênh online. Bên cạnh đó, MBS sẽ tận dụng nguồn vốn để đem đến cho nhà đầu tư thêm nhiều ưu đãi như linh hoạt lựa chọn các gói vay margin lãi suất thấp, tư vấn chuyên sâu và nhiều sản phẩm khác.

MBS không chỉ là một tổ chức tài chính, mà còn là đối tác đáng tin cậy, người đồng hành trên con đường chuyển đổi số. Chúng tôi cam kết không ngừng phát triển và cung cấp những sản phẩm, dịch vụ thông minh nhất để hỗ trợ quý khách hàng vượt qua mọi thách thức và tận dụng mọi cơ hội đầu tư.

Trong năm 2026, với phương châm hành động: "Tăng tốc - Vững chắc – Hiệu quả", tăng tốc số, ưu tiên nguồn lực cho các động lực phát triển bền vững, các nền tảng kinh doanh số, toàn thể Ban lãnh đạo và CBNV MBS quyết tâm nỗ lực hành động để đạt được những mục tiêu lớn như sau: Doanh thu đạt 4.675 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1.850 tỷ đồng, ROE tối thiểu 15% thông qua việc: (1) Tiếp tục duy trì các chính sách và triển khai thêm các giải pháp nhằm thúc đẩy thị phần môi giới; (2) Lựa chọn cơ hội đẩy mạnh quy mô hoạt động tự doanh cổ phiếu, trái phiếu; (3) Đẩy mạnh mô hình kinh doanh số, tăng tốc thu hút khách hàng, gia tăng tỷ lệ khách hàng active; (4) Tập trung khai thác tệp khách hàng MB, tăng cường digital marketing và nâng cao chất lượng các sản phẩm/dịch vụ trên cơ sở phân tích sâu chân dung khách hàng; (5) Phát huy vai trò triển khai các nghiệp vụ của Công ty chứng khoán trong mô hình kinh doanh trái phiếu của Tập đoàn, gia tăng doanh số tư vấn IB.

Trong bối cảnh môi trường kinh doanh liên tục biến động, chúng ta cần phải thay đổi linh hoạt mô hình kinh doanh số và mô hình môi giới truyền thống, thích nghi nhanh và đổi mới. MBS cam kết đồng hành cùng Cổ đông, Khách hàng và Đối tác trong hành trình này. Công ty đã, đang và sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và nhân sự để cung cấp nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất cho khách hàng.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các quý vị Cổ đông, Khách hàng, Đối tác và toàn thể cán bộ nhân viên công ty đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng MBS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Lê Viết Hải

DẤU ẤN 2025

TĂNG TRƯỞNG TOÀN DIỆN

Thị phần

HSX

TOP 7

5,37%

6 tháng cuối năm 2025: TOP 6

HNX

TOP 5

6,08%

Phái sinh

TOP 6

4,24%

UPCOM

TOP 5

5,91%

DẤU ẤN 2025

TĂNG TRƯỞNG TOÀN DIỆN

Tổng tài sản

30.776 *Tỷ VNĐ*

↑ Tăng trưởng bền vững
Gấp 1,4 lần so với năm 2024

Lợi nhuận trước thuế

1.415 *Tỷ VNĐ*

↑ Hiệu quả vượt trội, lập đỉnh lịch sử
Gấp 1, 5 lần so với năm 2024

Giá trị vốn hóa

25.260 *Tỷ VNĐ*

Vị thế nhóm CTCK hàng đầu

Dư nợ dịch vụ tài chính

15.041 *Tỷ VNĐ*

Gấp 1,5 lần so với năm 2024

DẤU ẤN 2025

QUẢN TRỊ AN TOÀN VÀ HIỆU QUẢ

Nợ xấu

0 %

14 năm liên tiếp

ROE

15,2 %

↑ Hiệu quả vượt trội

TOP 3 trong nhóm 10 CTCK có thị phần cao nhất HSX

Công nghệ

ISO/IEC 27001

↑ Bắt kịp xu thế, an toàn, ổn định

02

TỔNG QUAN VỀ MBS

Thông tin doanh nghiệp

GIỚI THIỆU CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS) là công ty thành viên thuộc Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) được thành lập tháng 5 năm 2000 và cũng là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau 25 năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam với mạng lưới chi nhánh và phòng giao dịch rộng khắp cả nước.

Với lợi thế là thành viên của Ngân hàng MB, MBS được thừa hưởng những thế mạnh về nền tảng tài chính vững chắc, mạng lưới khách hàng rộng lớn và uy tín thương hiệu. Công ty liên tục nằm trong Top 10 thị phần môi giới tại cả hai Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HSX) và Hà Nội (HNX).

MBS cung cấp đầy đủ các dịch vụ chứng khoán chuyên nghiệp cho khách hàng cá nhân và tổ chức, bao gồm môi giới chứng khoán, dịch vụ tài chính, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành và tư vấn tài chính doanh nghiệp. Với phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm, MBS không ngừng đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng dịch vụ để mang lại giá trị tốt nhất cho nhà đầu tư.

LIÊN HỆ

Khu vực 1, Tầng 7 - 8
Tòa nhà MB, Số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội

1900 9088

www.mbs.com.vn

Mã chứng khoán: MBS – Niêm yết tại HNX

Vốn điều lệ

6.587 TỶ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

7.995 TỶ VNĐ

Tổng số CBNV

621 NGƯỜI

Số liệu tính đến 31/12/2025

TẦM NHÌN – SỨ MỆNH – GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

"Trở thành công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam"

Sứ mệnh

"Cung cấp dịch vụ xuất sắc nhất cho khách hàng"

Giá trị cốt lõi

Tiên phong

Sẵn sàng đi đầu, dám nghĩ dám làm, dám đương đầu với thử thách và đón nhận mọi thay đổi.

Sáng Tạo

Đổi mới tư duy trong cách nghĩ, cách làm, tạo sự mới mẻ và khác biệt trong các hoạt động.

Đoàn kết

Thống nhất về ý chí và hành động, cùng hướng tới mục tiêu chung vì sự phát triển bền vững.

Kỷ luật

Thượng tôn pháp luật, chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước và các chuẩn mực đạo đức.

Tận tâm

Luôn cố gắng hết sức, làm việc trách nhiệm, tâm huyết trong mọi quyết định và hành động.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2000 - 2006

Thành lập bởi Ngân hàng TMCP Quân Đội (vốn 9 tỷ đồng).

Là một trong 6 CTCK đầu tiên của Việt Nam.

Tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng.

Thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh.

2007 - 2010

Cổ phần hóa Công ty.

Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng.

Đứng đầu thị phần HNX và HSX năm 2009 và 2010.

Thành lập Chi nhánh Hải Phòng.

2011 - 2012

Đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán MB.

Thay đổi logo và hệ thống nhận diện thương hiệu mới.

Thành lập Chi nhánh Hà Nội.

Chuyển trụ sở về số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội.

2013 - 2021

Hợp nhất với Công ty Chứng khoán VIT.

Niêm yết trên HNX.

Thành lập CN Sài Gòn, CN Bắc Sài Gòn, CN Hoàn Kiếm (nay là Sở Giao dịch 1).

Chuyển trụ sở về 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội.

Tăng vốn điều lệ lên 2.676 tỷ đồng.

2022 - 2024

Thay đổi logo và nhận diện thương hiệu mới.

Tăng vốn điều lệ lên hơn 5.728 tỷ đồng.

2024: LN trước thuế > 930,6 tỷ đồng, Dư nợ DVTC > 10.293 tỷ đồng.

Vốn hóa có thời điểm vượt 17.000 tỷ đồng.

Tỷ lệ nợ xấu DVTC bằng 0 trong 13 năm liên tiếp.

2025

Tăng vốn điều lệ lên 6.587 tỷ đồng.

LNTT: 1.415 tỷ đồng, đạt kỷ lục trong lịch sử phát triển

Tổng tài sản: 30.776 tỷ đồng, cao nhất lịch sử phát triển

Vốn hóa: >25.260 tỷ đồng, cao nhất lịch sử phát triển

Dư nợ DVTC: 15.041 tỷ đồng, cao nhất lịch sử phát triển

Tỷ lệ nợ xấu DVTC bằng 0 trong 14 năm liên tiếp.

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Môi giới chứng khoán, cho vay và cung cấp dịch vụ

Cung cấp dịch vụ môi giới chuyên nghiệp, hỗ trợ tài chính linh hoạt và các dịch vụ giá trị gia tăng đa dạng cho nhà đầu tư.

Tự doanh chứng khoán

Thực hiện các hoạt động đầu tư tự doanh hiệu quả, tối ưu hóa lợi nhuận dựa trên phân tích thị trường chuyên sâu.

Tư vấn đầu tư chứng khoán

Đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm cung cấp các giải pháp và khuyến nghị đầu tư phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Tư vấn và thực hiện bảo lãnh phát hành, hỗ trợ doanh nghiệp huy động vốn thành công trên thị trường chứng khoán.

Lưu ký chứng khoán

Cung cấp dịch vụ lưu ký an toàn, chính xác và thuận tiện, đảm bảo quyền lợi sở hữu tài sản cho nhà đầu tư.

MÔ HÌNH TỔ CHỨC

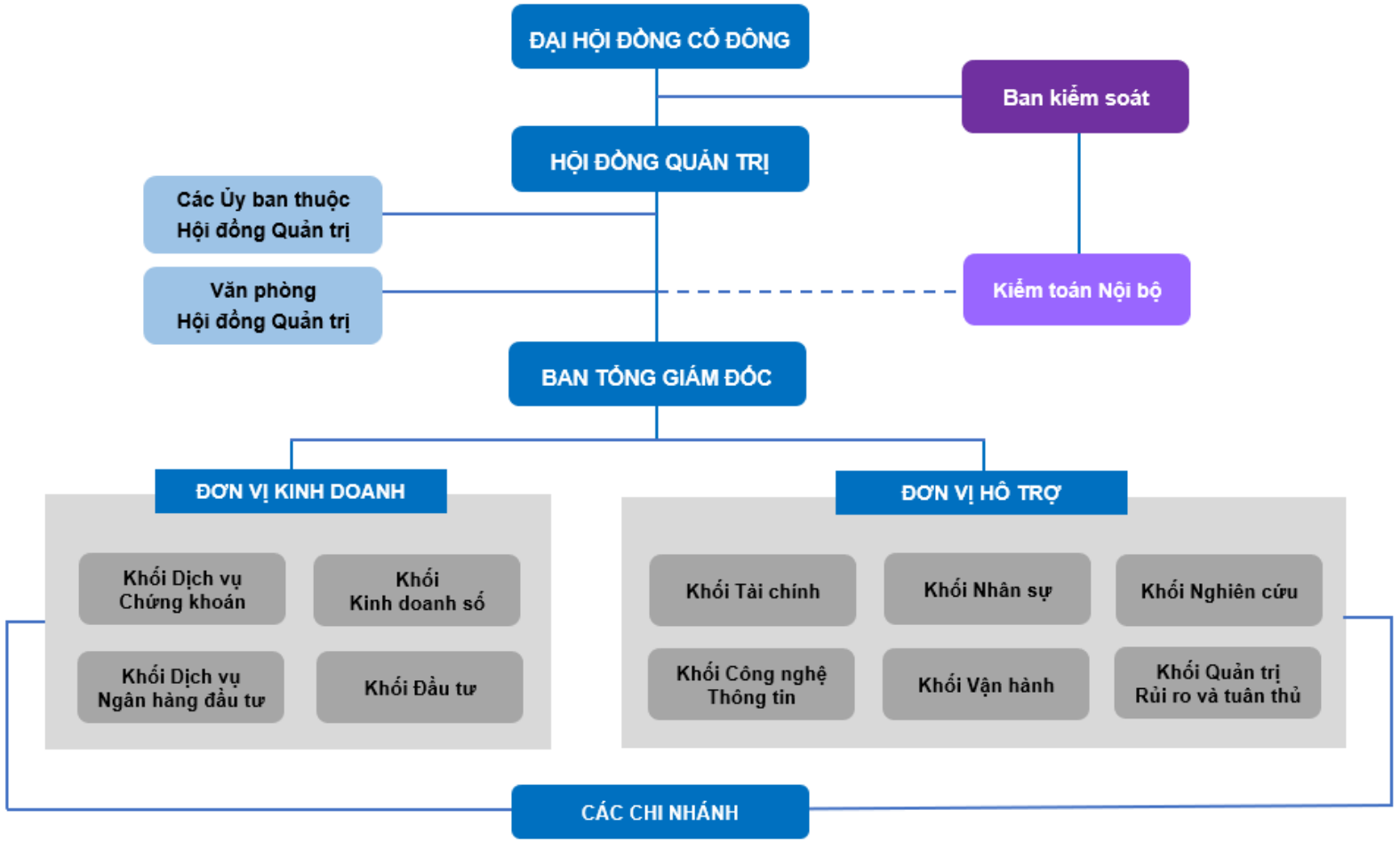

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

HỘI SỞ CHÍNH

Khu vực 1, Tầng 7-8, Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội

(84-24) 7304 5688

www.mbs.com.vn

ĐƠN VỊ	ĐỊA CHỈ
Sở Giao dịch 1	Khu vực 2, Tầng 7, Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Hà Nội	Tầng 5, Tòa nhà Thăng Long, 98A Ngụy Như Kon Tum, Phường Thanh Xuân TP. Hà Nội
Chi nhánh Hải Phòng	Tầng 3, Tòa nhà MB, 6 Lô 30A Lê Hồng Phong, Phường Gia Viên, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Hồ Chí Minh	Tầng 5, Tòa nhà Sunny Tower, 259 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Sài Gòn	Tầng 9, Tòa nhà Havana, 132 Hàm Nghi, Phường Bến Thành, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Bắc Sài Gòn	Tầng trệt, Tòa nhà The Prince Residence, 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT 2025

Kể từ khi thành lập (năm 2000) đến nay, MBS đã liên tục được đón nhận các giải thưởng và bình chọn đánh giá của các tổ chức lớn có uy tín trong và ngoài nước, và của các Cơ quan quản lý trong tất cả các lĩnh vực hoạt động. Trong phạm vi báo cáo này, chúng tôi xin được tóm lược những thành tích tiêu biểu gần nhất:

TOP 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam
Forbes Việt Nam bình chọn

Đơn vị Môi giới chứng khoán số tốt nhất Việt Nam
Alpha Southeat Asia bình chọn

Cổ phiếu MBS lọt rổ chỉ số cận biên lớn nhất của MSCI
MSCI bình chọn

Doanh nghiệp niêm yết trên HNX thực hiện tốt quản trị công ty 2024 – 2025
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội bình chọn

Thành viên tiêu biểu trong hoạt động Thanh toán giao dịch chứng khoán cơ sở
Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bình chọn

Thành viên tiêu biểu trong hoạt động Thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh
Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bình chọn

Thành viên tiêu biểu trong hoạt động Lưu ký chứng khoán
Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam bình chọn

GIẢI THƯỞNG NỔI BẬT 2025

Xếp hạng 5 sao Giải thưởng Sao Khuê dành cho MBS Mobile App - Giải pháp xuất sắc của ngành phần mềm, công nghệ thông tin Việt Nam

Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam bình chọn

Giải thưởng Sao Khuê dành cho Trợ lý đầu tư chứng khoán cá nhân Dolphin

Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam bình chọn

Giải thưởng Sao Khuê dành cho MBS Mobile App - Ứng dụng trí tuệ nhân tạo và internet vạn vật

Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam bình chọn

03

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG LÊ VIẾT HẢI
Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Viết Hải hiện là Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội (MB).

Ông Hải tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Tín dụng và bảo vệ Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Trường Đại học California Miramar, Mỹ. Ông Hải có trên 25 năm gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội với các trọng trách được giao như Giám đốc MB Hoàng Quốc Việt, GĐ Khối SME, GĐ Khối Kiểm tra Kiểm soát Nội bộ, Chánh VP HĐQT.

Với cương vị Chủ tịch HĐQT MBS, Ông Hải đã chỉ đạo công ty thực hiện nhiều chương trình lớn như thay đổi mô hình tổ chức, xây dựng chiến lược kinh doanh, thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tái cơ cấu các hoạt động kinh doanh và hỗ trợ giúp tăng cường hiệu quả toàn Công ty và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

ÔNG PHAN PHƯƠNG ANH
Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Phan Anh (tên đầy đủ là Phan Phương Anh) là Phó Chủ tịch HĐQT và được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) vào ngày 08/06/2022.

Ông Phan Anh tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Đại học Griggs (Hoa Kỳ). Trước khi gia nhập MBS, Ông Phan Anh đã có hơn 15 năm đảm nhận chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital). Ông cũng đồng thời là Chủ tịch Hội đồng đầu tư của Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital Fund.
Tại Ngân hàng MB, Ông Phan Anh từng đảm nhiệm các vị trí như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, GĐ Khối Ngân quỹ và Ngoại hối (Treasury). Ông cũng là một trong những thành viên đầu tiên của Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (là tiền thân của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS ngày nay) vào năm 2000.

BÀ NGUYỄN MINH HẰNG
Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Minh Hằng hiện là Giám đốc Khối đầu tư của Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB).

Bà Minh Hằng tốt nghiệp chuyên ngành Ngân hàng – Tài chính đồng thời bảo vệ Thạc sĩ chuyên ngành Ngân hàng – Tài chính tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Bà Minh Hằng có nhiều năm gắn bó với Ngân hàng MB với các chức danh như Trưởng phòng Quản lý tín dụng Hội sở, Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Bà Minh Hằng đã tham gia nhiều dự án trọng điểm của MB và có đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị rủi ro của MB an toàn, hiệu quả, tiệm cận thông lệ quốc tế. Là thành viên HĐQT MBS, bà Hằng tham gia chỉ đạo Công ty thực hiện đổi mới mô hình hoạt động, đóng góp nhiều đối với công tác quản trị rủi ro và hoạt động bán chéo với MB Group.

ÔNG PHẠM XUÂN THANH
Thành viên HĐQT

Ông Phạm Xuân Thanh là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, đã gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) 17 năm, đảm nhận nhiều vị trí quan trọng: Phó phòng Đầu tư - Khối đầu tư, Phó Giám đốc Sở giao dịch 1, Giám đốc chi nhánh Long Biên, Phó Giám đốc Khối Thẩm định, Phó giám đốc Khối khách hàng lớn, và hiện tại là Quyền Chánh văn phòng CEO. Ông Thanh đã từng công tác tại Tổng công ty khoáng sản Việt Nam, Công ty XNK Intimex – Bộ thương mại, tham gia BKS của Công ty CP Thủy điện Hủa Na...

Ông Phạm Xuân Thanh được bầu và trúng cử là Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của MBS ngày 21/04/2023.

ÔNG PHẠM THẾ ANH
Thành viên HĐQT

Ông Phạm Thế Anh là Phó Giáo sư, Tiến sỹ kinh tế, hiện đang là Trưởng Khoa Kinh tế học - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông Thế Anh đã từng công tác tại Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) trong 7 năm với các vị trí: Kinh tế trưởng (2009 - 2014) và Thành viên HĐQT độc lập (2016 -2018). Bên cạnh đó, ông cũng từng giữ các vai trò quan trọng như chuyên gia kinh tế cao cấp, cố vấn kinh tế/kinh tế trưởng ở các tổ chức như Nhóm Tư vấn Chính sách - Bộ Tài chính, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Viện Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách Việt Nam (VEPR), và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chiến lược Việt Nam (VESS).

Ông Phạm Thế Anh được bầu và trúng cử là Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của MBS ngày 21/04/2023.

BAN KIỂM SOÁT

BÀ PHẠM THỊ HOA

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hoa hiện là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Chứng khoán MB (MBS).

Bà Hoa tốt nghiệp và bảo vệ Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Hoa có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Phó Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ, Phó Giám đốc Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ.

BÀ VŨ THỊ THƯƠNG

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hương hiện là Trưởng bộ phận Kiểm toán tài chính, Cơ quan Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Quân đội. Bà Hương tốt nghiệp trường Đại học Hà Nội, ngành Quản trị tài chính với 4 năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và nhiều năm kinh nghiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội.

BÀ LÊ THU TRANG

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Lê Thu Trang là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, có 13 năm công tác trong ngành Ngân hàng. Bà Trang đã gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) trong 9 năm, thực hiện công việc ở các vị trí như: Giám đốc Phát triển kinh doanh – Phòng Phát triển kinh doanh – Khối Doanh nghiệp vừa và nhỏ (2015 - 2018), Chuyên gia Phòng Tài chính, Khối Tài chính kế toán (2022 – nay). Bên cạnh đó, bà Trang cũng đã từng là Chuyên gia Quản trị hiệu quả kinh doanh – Quản lý kinh doanh – Khối Ngân hàng Bán buôn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank) giai đoạn 2018 – 2022.

Bà Lê Thu Trang được bầu và trúng cử là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2023 của MBS ngày 21/04/2023.

ÔNG PHAN PHƯƠNG ANH

Tổng Giám đốc

Ông Phan Anh (tên đầy đủ là Phan Phương Anh) là Phó Chủ tịch HĐQT và được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) vào ngày 08/06/2022.

Ông Phan Anh tốt nghiệp Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Đại học Griggs (Hoa Kỳ). Trước khi gia nhập MBS, Ông Phan Anh đã có hơn 15 năm đảm nhận chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital). Ông cũng đồng thời là Chủ tịch Hội đồng đầu tư của Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital Fund.

Tại Ngân hàng MB, Ông Phan Anh từng đảm nhiệm các vị trí như: Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp, GĐ Khối Ngân quỹ và Ngoại hối (Treasury). Ông cũng là một trong những thành viên đầu tiên của Công ty CP Chứng khoán Thăng Long (là tiền thân của Công ty Chứng khoán MB (MBS ngày nay) vào năm 2000.

BÀ PHÙNG THỊ THANH HÀ

Phó Tổng Giám đốc

Bà Phùng Thị Thanh Hà hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác quản trị rủi ro, nghiệp vụ, pháp chế của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS).

Bà Hà tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế tại trường Đại học Méditerranée - Aix Marseille II (Pháp) chuyên ngành quản trị doanh nghiệp. Bà Hà có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và có nhiều đóng góp đáng kể trong việc xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro của MBS đảm bảo tái cấu trúc thành công, góp phần vào việc đưa MBS trở thành công ty chứng khoán có vị thế trên thị trường. Trước khi làm việc tại MBS, bà Hà từng giữ nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Trưởng Bộ phận tái thẩm định SME, Trưởng Bộ phận tái thẩm định Khách hàng cá nhân, Phó phòng Thẩm định Hội sở và Trưởng phòng Quản trị rủi ro tại MBS.

BÀ PHẠM THỊ KIM NGÂN

Phó Tổng Giám đốc

Bà Phạm Thị Kim Ngân được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc MBS từ 01/10/2025. Trước đó, Bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Tài chính của MBS. Bà Ngân tốt nghiệp Thạc sĩ tại trường Đại học FPT chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp, Cử nhân Kinh tế Trường Đại học Kinh tế quốc dân, đồng thời sở hữu các chứng chỉ quốc tế như Chứng chỉ quản trị tài chính CMA của Australia…

Bà Ngân đã có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, cụ thể tại Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh Hà Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội (MB). Tại MB, Bà có nhiều năm giữ chức vụ quản lý tại Khối Đầu tư, và từng là Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư MB (MB Capital).

ÔNG LÊ THÀNH NAM

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Thành Nam hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khu vực phía nam của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS).

Ông Nam tốt nghiệp trường Đại học Bách Khoa Hà Nội chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp và Thạc sĩ Chính sách Công tại trường Đại Học Fulbright Việt Nam. Giữ cương vị phụ trách hoạt động của MBS tại Khu vực phía Nam, ông Nam đã xây dựng và thu hút được đội ngũ môi giới lớn mạnh, tâm huyết, đem lại nhiều bước đột phá về kết quả kinh doanh, góp phần phát triển thương hiệu cũng như mở rộng thị phần của MBS tại khu vực phía nam. Trước khi về MBS, ông Nam từng có nhiều năm đảm nhiệm các chức vụ quan trọng tại các doanh nghiệp như: Phó Chủ tịch HĐQT, GĐ Công ty CP Dịch vụ thương mại Giấy Việt; thành viên HĐQT Công ty Cổ phần DIC số 4; GĐ Công ty Địa ốc Hoàng Quân và thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thuốc thú y Cai Lậy.

ÔNG LÊ VĂN TUẤN

Thành viên Ban Điều hành

Ông Lê Văn Tuấn hiện là thành viên Ban Điều hành, phụ trách Công nghệ thông tin của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS).

Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sĩ tại trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội chuyên ngành công nghệ thông tin, thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Benedictine USA. Ông Tuấn có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực CNTT, đặc biệt trong ngành tài chính và từng tham gia nhiều dự án lớn về quản trị và phát triển hệ thống công nghệ thông tin của Ngân hàng MB.

Ông Tuấn đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ và hệ thống công nghệ thông tin, góp phần giúp MBS đạt được những kết quả quan trọng trong quá trình chuyển dịch số. Trước khi công tác tại MBS, ông Tuấn từng đảm nhiệm các vị trí tại Ngân hàng MB như: PGĐ Trung tâm CNTT, GĐ Trung tâm Phát triển – Khối CNTT và PGĐ Khối CNTT.

04

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tổng quan thị trường, Kết quả hoạt động kinh doanh

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2025

Thị trường chứng khoán Việt Nam khép lại năm 2025 ở ngưỡng 1.784,49 điểm, tăng 40,87% so với năm 2024. Đây là mức tăng trưởng ấn tượng nhất trong vòng 8 năm trở lại đây (kể từ năm 2017 với +48,04%), vượt xa mức tăng của năm 2021 (+35,73%) và đưa Việt Nam trở thành một trong những thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh nhất toàn cầu cũng như khu vực châu Á.

Mức tăng này diễn ra trong bối cảnh thị trường chuyển mình từ giai đoạn "phục hồi sau cú sốc thuế quan" sang "chu kỳ tăng trưởng chất lượng cao", với động lực chính từ dòng tiền nội địa (đặc biệt là tổ chức trong nước) bù đắp và vượt trội hơn hẳn áp lực bán ròng kỷ lục từ khối ngoại. Dù khối ngoại rút vốn mạnh, thị trường vẫn duy trì đà tăng nhờ các yếu tố hỗ trợ quan trọng: FTSE Russell nâng hạng Việt Nam từ cận biên (Frontier) lên mới nổi thứ cấp (Secondary Emerging), mở đường đón dòng vốn ngoại dài hạn (quyết định công bố năm 2025, hiệu lực từ 2026 sau đánh giá giữa kỳ). Hệ thống KRX được đưa vào vận hành chính thức từ ngày 05/05/2025, giúp xử lý tới 1,5 triệu lệnh/ngày, thúc đẩy thanh khoản bùng nổ và nâng cao hiệu quả giao dịch. Cải cách pháp lý mạnh mẽ với hàng loạt văn bản như Nghị định 245/2025, 306/2025, Quyết định 2014/QĐ-TTg phê duyệt Đề án nâng hạng, cùng các Thông tư của Bộ Tài chính, góp phần tăng minh bạch, hội nhập sâu hơn và hỗ trợ quá trình nâng hạng thị trường.

Trong bối cảnh khối ngoại bán ròng kỷ lục, dòng tiền nội chính là chất xúc tác chính đưa chỉ số VN-Index đạt đỉnh lịch sử. Thanh khoản bình quân toàn thị trường năm 2025 đạt 28.890 tỷ đồng/phiên, tăng +37% so với năm 2024 - mức cao nhất trong 4 năm gần đây và chỉ đứng sau kỷ lục năm 2021 (31.153 tỷ đồng/phiên). Thanh khoản có giai đoạn bùng nổ đột biến trong 4 tháng (tháng 7, 8, 9 và 10) với bình quân đạt 42.256 tỷ đồng/phiên.

Quy mô vốn hóa thị trường chứng khoán Việt Nam

Các nhóm cổ phiếu có mức tăng trưởng vượt trội tập trung chủ yếu ở nhóm vốn hóa lớn, đặc biệt là Vingroup (+425%) (bao gồm VIC, VHM, VRE, VPL...), Chứng khoán (+33,4%), Bán lẻ (+27,4%)... Nhóm cổ phiếu Vingroup đóng góp tới +354 điểm trong tổng mức tăng +518 điểm của VN-Index. Nhóm VN30 tăng mạnh +51%, trong khi Midcap và Smallcap chỉ tăng lần lượt +16,7% và +1,7%, cho thấy độ rộng thị trường tập trung vào bluechip.Ngược lại, một số nhóm ngược dòng thị trường gồm Công nghệ (-26%), Viettel (-23%), Dệt may (-19%), Hóa chất (-18%)... Khối ngoại bán ròng kỷ lục với tổng giá trị -135.329 tỷ đồng (~5,2 tỷ USD), đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp trong chuỗi 5/6 năm gần đây. Tuy nhiên, khối ngoại vẫn mua ròng một số mã như VPL (+1.495 tỷ đồng), MWG (+1.409 tỷ đồng), NVL (+1.270 tỷ đồng), trong khi bán ròng mạnh các mã lớn như VIC (-22.994 tỷ đồng), VHM (-11.819 tỷ đồng), FPT (-11.677 tỷ đồng)...

Năm 2025 cũng chứng kiến sự gia tăng mạnh mẽ số lượng tài khoản chứng khoán. Tính đến cuối năm 2025, thị trường đã vượt mục tiêu đạt 11 triệu tài khoản vào năm 2030 theo Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán được Chính phủ phê duyệt), tiếp tục vượt các mục tiêu đề ra, khẳng định sức hút của thị trường đối với nhà đầu tư nội địa và tiến trình hội nhập quốc tế vững chắc.

KẾT QUẢ KINH DOANH

Trong bối cảnh kinh tế thế giới nói chung, thị trường chứng khoán nói riêng diễn biến phức tạp và phân hóa mạnh trong năm 2025, bên cạnh việc linh hoạt trong chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh doanh, công ty tập trung đầu tư chuyển dịch số và nâng cao năng lực:

(1) Đầu tư nền tảng công nghệ thông tin;

(2) Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, đặc biệt là ứng dụng số trong các hoạt động môi giới, nghiên cứu, quản trị nhân sự, tài chính kế toán, đẩy mạnh digital marketing…;

(3) Phát triển và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ với hàm lượng công nghệ cao, khẳng định uy tín của MBS trên thị trường.

Nhờ vào đó, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty đạt được nhiều kết quả vượt trội.

DOANH THU

3.665 tỷ đồng

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1.415 tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	TH 2025 / TH 2024	TH 2025 / KH 2025
1	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	3.370	3.131	**3.665**	**117%**	**109%**
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1.300	931	**1.415**	**152%**	**109%**

Định hướng hoạt động Quản trị rủi ro

MBS định hướng xây dựng hệ thống quản trị rủi ro toàn diện, chủ động và hiệu quả, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của Cơ quan quản lý, đồng thời hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh an toàn và bền vững. Công ty thường xuyên cập nhật các xu hướng phát triển của thị trường, áp dụng các thông lệ quản trị tiên tiến trong ngành tài chính – chứng khoán, không ngừng nâng cao nặng lực quản trị nhằm đáp ứng yêu cầu chiến lược và thích ứng kịp thời với các biến động của môi trường kinh doanh, các thay đổi của quy định Pháp luật.

Mô hình Quản lý rủi ro ba tuyến phòng vệ được MBS triển khai nhất quán, đảm bảo tính khách quan, độc lập và minh bạch giữa các chức năng kiểm soát. Cơ chế phân định rõ trách nhiệm và thẩm quyền của từng tuyến đã phát huy hiệu quả trong việc tăng cường năng lực nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát rủi ro, qua đó giúp củng cố các lớp bảo vệ nhằm phòng ngừa và hạn chế tối đa các rủi ro, tổn thất có thể phát sinh.

MBS xác định quản trị rủi ro là trách nhiệm xuyên suốt của Ban Lãnh đạo và toàn thể Cán bộ nhân viên. Các mục tiêu về quản lý rủi ro được đưa vào hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) của các đơn vị, bảo đảm việc tuân thủ và kiểm soát rủi ro được thực hiện đồng bộ trong mọi hoạt động. Công ty đồng thời chú trọng xây dựng văn hóa rủi ro và văn hóa tuân thủ thông qua các chương trình đào tạo, truyền thông nội bộ định kỳ trên toàn hệ thống.

Trước bối cảnh ứng dụng AI trong chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trong lĩnh vực chứng khoán, yêu cầu an toàn thông tin ngày càng cao và khung pháp lý không ngừng hoàn thiện, MBS tiếp tục đầu tư và ứng dụng các công cụ giám sát, cảnh báo sớm và tự động hóa trong quản trị rủi ro. Hệ thống cảnh báo được thiết kế nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiệu bất thường, hỗ trợ các đơn vị chủ động triển khai biện pháp phòng ngừa và xử lý phù hợp. Đây là yếu tố hỗ trợ quan trọng giúp hoạt động kinh doanh của Công ty được duy trì an toàn, ổn định và liên tục, góp phần bảo vệ lợi ích khách hàng, cổ đông và các bên liên quan.

Rủi ro thị trường

Năm 2025, tăng trưởng kinh tế trong nước duy trì xu hướng tích cực và lạm phát được kiểm soát tốt so với mục tiêu đề ra. Vĩ mô quốc tế vẫn tiềm ẩn những rủi ro về tình hình chính trị, chính sách tiền tệ các nền kinh tế lớn, biến động giá hàng hóa có thể tác động tới diễn biến lãi suất, tỷ giá và dòng vốn, qua đó tác động mạnh đến thị trường chứng khoán trong nước.

Thị trường chứng khoán Việt Nam biến động mạnh vào đầu tháng 04/2025 khi có thông tin bất lợi từ chính sách thuế quan của Mỹ, sau đó hồi phục mạnh mẽ từ đầu quý III với sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Kết thúc năm 2025, thị trường chứng khoán trong nước ghi nhận mức tăng mạnh so với năm 2024 nhưng cũng có áp lực bán ròng lớn từ khối ngoại.

Công tác theo dõi cập nhật tình hình thị trường, tình hình cổ phiếu và dự báo sớm tiếp tục được MBS vận hành chặt chẽ, nhịp nhàng thông qua hoạt động giám sát, đánh giá rà soát định kỳ/ đột xuất để hạn chế những bất lợi từ các giai đoạn biến động của thị trường hoặc thông tin bất lợi liên quan đến doanh nghiệp niêm yết, qua đó ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh về dư nợ và lợi nhuận.

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán phát sinh trọng yếu từ giao dịch ký quỹ, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, đầu tư công cụ tài chính khác khi khách hàng/ đối tác không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đầy đủ nghĩa vụ như đã cam kết; đặc biệt trong bối cảnh thị trường biến động mạnh tại một số giai đoạn cũng như quy mô dư nợ ký quỹ tăng cao.

MBS tiếp tục cải tiến các công cụ giám sát và cảnh báo tự động để kiểm soát chất lượng khoản vay ký quỹ của từng Khách hàng cũng như hiệu quả/ rủi ro của danh mục đầu tư; xây dựng kịch bản ứng phó rủi ro với các tình huống xấu nhất; quy trình cung cấp dịch vụ tài chính được tự động hóa đã rút ngắn thời gian thẩm định, nâng cao hiệu suất cung cấp dịch vụ cho Khách hàng. Danh mục cho vay rà soát thường xuyên đảm bảo tuân thủ quy định của Ủy ban chứng khoán, đáp ứng nhu cầu của Khách hàng và kiểm soát được rủi ro, không phát sinh nợ xấu dịch vụ tài chính.

Rủi ro thanh toán (tiếp)

Với hoạt động đầu tư, MBS luôn xem xét thận trọng thẩm định phương án kinh doanh, uy tín của tổ chức phát hành, xếp hạng đối tác đầy đủ, kỹ càng theo quy trình của MBS. MBS với tư cách là đại lý quản lý tài sản bảo đảm/ đại diện người sở hữu trái phiếu luôn theo dõi sát sao tình hình tuân thủ cam kết, tình hình thanh toán khi đến hạn của tổ chức phát hành để bảo vệ quyền lợi cho các trái chủ

Rủi ro thanh khoản

MBS quản trị hoạt động nguồn vốn theo phương thức chủ động - linh hoạt - hiệu quả để đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nhu cầu kinh doanh trong mọi điều kiện thị trường và tối ưu chi phí tài chính. Công ty luôn đặt trọng tâm mở rộng hệ sinh thái đối tác tài chính và củng cố uy tín trong giao dịch giấy tờ có giá, vay vốn từ các ngân hàng trong nước/ nước ngoài, duy trì hạn mức giải ngân ổn định. MBS triển khai hệ thống quản trị thanh khoản và hiệu quả sử dụng vốn theo hướng dữ liệu hóa và giám sát chủ động. Bộ chỉ tiêu theo dõi được cập nhật hàng ngày và định kỳ theo mức độ trọng yếu, cơ chế cảnh báo sớm và phân tích kịch bản dòng tiền được áp dụng nhằm hỗ trợ cung cấp thông tin kịp thời cho Ban Lãnh đạo trong quá trình ra quyết định, đảm bảo cân bằng giữa hiệu quả và rủi ro.

Rủi ro công nghệ thông tin

Nhằm tăng cường năng lực quản lý rủi ro công nghệ, ngoài hệ thống SOC đã triển khai năm 2024, Công ty tiếp tục đầu tư thêm các giải pháp bảo vệ an toàn thông tin, chống tấn công từ bên ngoài để đảm bảo hoạt động liên tục của các hệ thống trọng yếu. Đồng thời, MBS đưa vào vận hành Dashboard giám sát CNTT theo thời gian thực, giúp Ban Điều hành chủ động theo dõi tình trạng hệ thống, nhận diện sớm rủi ro và nâng cao khả năng phản ứng trước các sự cố tiềm ẩn.

Năm 2025, Công ty đã phối hợp chặt chẽ với Cơ quan quản lý và các đối tác để triển khai thành công hệ thống KRX – dự án trọng điểm của thị trường chứng khoán, đảm bảo tuân thủ yêu cầu kỹ thuật và vận hành ổn định. Trong suốt năm vừa qua, các hệ thống CNTT của MBS hoạt động an toàn, liên tục, không phát sinh sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng tới Khách hàng hoặc hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thương hiệu, danh tiếng

MBS triển khai thường xuyên các hoạt động truyền thông nhằm tăng cường nhận diện thương hiệu, đồng thời nâng cao ý thức của Cán bộ nhân viên về trách nhiệm bảo vệ thương hiệu và bí mật kinh doanh của Công ty.

Hệ thống kiểm soát nội bộ được thiết kế và vận hành với đầy đủ cơ chế phòng ngừa, phát hiện và xử lý vi phạm, qua đó hạn chế các rủi ro ảnh hưởng tới uy tín, danh tiếng và hình ảnh của MBS. Các hành vi vi phạm quy định nội bộ hoặc chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp đều được xem xét và xử lý nghiêm minh theo quy định. Trong năm 2025, MBS đã tích cực triển khai hoạt động quản trị rủi ro gian lận và phòng chống rửa tiền.

MBS luôn nỗ lực đảm bảo công bố thông tin đầy đủ, kịp thời, minh bạch, đặc biệt đối với các thông tin về tình hình tài chính và các vấn đề trọng yếu liên quan tới hoạt động của Công ty. Đồng thời, MBS tích cực và chủ động phối hợp với Cơ quan quản lý, các cơ quan truyền thông nhằm đảm bảo thông tin chính xác, hạn chế tác động tiêu cực đến thương hiệu và niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư.

Quản trị rủi ro chặt chẽ, thông minh và đồng hành cùng hoạt động kinh doanh là nền tảng quan trọng xuyên suốt các giai đoạn chiến lược của MBS.

Trong 14 năm liên tiếp MBS không phát sinh nợ xấu dịch vụ tài chính.

05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Thông tin cổ đông và các báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành

THÔNG TIN DÀNH CHO CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

Nội dung	Số lượng cổ phần
Tổng số lượng cổ phần MBS	**658.726.787**
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	657.539.735
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng (*)	1.187.052

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

1. Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu > 5%	1	439.766.963	66,76%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	*1*	*439.766.963*	*66,76%*
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu < 5%	47.843	218.959.824	33,24%
Tổng cộng	**47.844**	**658.726.787**	**100%**

2. Cơ cấu cổ đông theo loại hình

Cổ đông	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng (*)	Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
I. Cổ phiếu quỹ	-	**30,041**	**30,041**	**0,005%**
II. Cổ đông khác				
Tổ chức trong nước	1.187.052	443.337.301	444.524.353	67,482%
Cá nhân trong nước	-	194.235.542	194.235.542	29,487%
Tổ chức nước ngoài	-	19.393.014	19.393.014	2,944%
Cá nhân nước ngoài	-	543.837	543.837	0,082%
Cổ đông Nhà nước	-	-	-	0%
Tổng cộng	**1.187.052**	**657.539.735**	**658.726.787**	**100%**

2. Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2025

Nội dung	Số lượng cổ phiếu quỹ tại 01/01/2025	Số lượng cổ phiếu quỹ thay đổi (tăng/giảm) trong kỳ	Số lượng cổ phiếu quỹ tại 31/12/2025
Số lượng cổ phiếu quỹ	30.041	-	30.041

- *Số liệu tại mục Cổ phần và Cơ cấu cổ đông nêu trên được ghi nhận theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2025 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp.*
- *(*): Đây là số lượng cổ phần được phân phối cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 103/NQ-MBS-HĐQT ngày 05/11/2025 và bị hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán (từ ngày 13/11/2025 đến ngày 13/11/2026).*

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của Hội đồng Quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

MBS có cơ cấu thành viên HĐQT giàu năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kế toán, luật và quản trị doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT luôn có những đóng góp tích cực, nhạy bén và độc lập đối với công việc hoạt động của Công ty.

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại các tổ chức khác
Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch HĐQT Thành viên không điều hành	40,226%, trong đó: ✓ Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 40,056% ✓ Cá nhân sở hữu: 0,17%	Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Quân đội
Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên điều hành	26,704%, trong đó: ✓ Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 26,704% ✓ Cá nhân sở hữu: 0%	
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành	0,09%	Giám đốc Khối Đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân đội
Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành	0%	Quyền Chánh văn phòng CEO - Ngân hàng TMCP Quân đội
Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT Thành viên độc lập	0%	

Hoạt động của Hội đồng Quản trị

HĐQT thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT MBS.

HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Điều hành trong quá trình triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, đảm bảo các hoạt động của MBS được tiến hành theo đúng quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã tham mưu cho HĐQT trong các lĩnh vực nhân sự lương thưởng, quản trị rủi ro. HĐQT và BKS đã phối hợp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ tổ chức các chương trình kiểm tra hoạt động, kiểm toán toàn diện, kiểm toán đột xuất và kiểm toán chuyên đề đối với các đơnvị trong nội bộ, đảm bảo nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ của MBS.

Hoạt động của Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành

Hiện tại, cơ cấu thành viên HĐQT MBS đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó có 01 thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Tính "độc lập" của các thành viên tuân thủ theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định hiện hành cũng như theo tiêu chuẩn quốc tế, HĐQT đã thành lập 03 tiểu ban trực thuộc HĐQT gồm:

- ❖ Ủy ban quản lý rủi ro
- ❖ Ủy ban Nhân sự và lương thưởng
- ❖ Hội đồng đầu tư

Hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị

Nhiệm vụ của các tiểu ban là tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc duy trì và tăng cường hoạt động Quản lý rủi ro và công tác Nhân sự, lương thưởng, bao gồm:

1. Ủy ban quản lý rủi ro

Ủy ban quản lý rủi ro đã hỗ trợ giám sát các công việc sau:

- Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, cho ý kiến về chính sách rủi ro phù hợp với chiến lược chung của công ty;
- Giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, các khuyến nghị của cơ quan Thanh tra, quy định của MBS, các quyết nghị của HĐQT liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro của MBS nhằm giảm thiểu các thiệt hại phát sinh rủi ro, tối đa hóa lợi nhuận của Công ty.
- Đánh giá sự phù hợp trong công tác quản trị rủi ro của MBS theo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của MBS và định hướng theo thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro để đảm bảo các rủi ro của MBS được quản lý và đánh giá một cách khoa học, thống nhất và hiệu quả. Từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác quản trị rủi ro.
- Đánh giá và đề xuất HĐQT trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp với yêu cầu quản trị của MBS từng thời kỳ.
- Báo cáo HĐQT hiệu quả của Phòng Quản trị rủi ro và công tác quản trị rủi ro trên toàn hệ thống và đưa ra phương hướng khắc phục.

2. Ủy ban Nhân sự và lương thưởng

- Tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự, lương thưởng.
- Phối hợp với Khối Nhân sự theo dõi đánh giá chất lượng nhân sự, xem xét năng lực cán bộ, đặc biệt là những cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý trong toàn hệ thống.
- Giải quyết các chế độ cho người lao động đảm bảo cạnh tranh và tuân thủ pháp luật

3. Hội đồng đầu tư

- Là cơ quan trực thuộc HĐQT của MBS, do HĐQT ra quyết định thành lập, quản lý.
- Thực hiện tham mưu cho HĐQT và chịu trách nhiệm đối với toàn bộ các vấn đề liên quan đến đầu tư tự doanh của Công ty theo hạn mức thẩm quyền được phân cấp theo quy định của MBS từng thời kỳ.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2025

Thị trường chứng khoán thế giới đã tăng điểm mạnh trong năm 2025, bất chấp những biến động do cuộc chiến thương mại của Tổng thống Mỹ Donald Trump gây ra. Chỉ số MSCI All Country World Index của chứng khoán thế giới không bao gồm thị trường Mỹ tăng 29,2% trong năm qua, vượt xa mức tăng 16,39% của chỉ số S&P 500 - thước đo rộng nhất của chứng khoán Mỹ. Một trong những thị trường chứng khoán tăng mạnh nhất năm 2025 là Hàn Quốc, với mức tăng 76% của chỉ số Kospi, mạnh nhất từ năm 1999. Chỉ số Nikkei 225 của chứng khoán Nhật Bản tăng 26% cả năm.

Chỉ số Vn-Index khép lại năm 2025 ở đỉnh cao lịch sử (1.784,49 điểm), tuy mức điểm này vẫn chưa vượt qua được đỉnh giá cao nhất mà VN-Index từng có được (mốc 1805,93 điểm ngày 25/12/2025) nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn có một năm tăng trưởng mạnh mẽ ở chỉ số với biên độ 40,87%. Mức tăng trưởng này còn mạnh hơn cả năm 2021 (+35,73%) và chỉ đứng sau năm 2017 (+48,04%). Mức tăng năm 2025 chủ yếu tập trung ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn, trong đó nhóm VN30 tăng 51% trong khi nhóm Midcap và Smallcap chỉ có mức tăng lần lượt tăng 16,7% và 1,7%. Thanh khoản toàn thị trường năm 2025 bình quân đạt 28.890 tỷ đồng/phiên, tăng 37% so với năm 2024. Khối ngoại bán ròng kỷ lục năm 2025 với tổng giá trị 135.329 tỷ đồng, đánh dấu năm bán ròng thứ 3 liên tiếp của khối ngoại trong chuỗi bán ròng 5/6 năm vừa qua.

Trong bối cảnh đó, dưới sự lãnh đạo quyết liệt của Ban lãnh đạo và tinh thần đoàn kết của tập thể CBNV, MBS đã đạt được những kết quả ấn tượng:

Về hoạt động Quản trị chiến lược

- Năm 2025, Công ty tiếp tục triển khai chiến lược giai đoạn 2022 - 2026, theo định hướng Tầm nhìn: Trở thành Công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam; Mục tiêu nằm trong Top 3 thị trường chứng khoán Việt Nam về hiệu quả hoạt động và Top 5 thị trường chứng khoán Việt Nam về thị phần môi giới.

- Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên và bất thường năm 2025, hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng tiền cho cổ đông và tăng vốn điều lệ từ 5.728 tỷ đồng lên 6.587 tỷ đồng thông qua chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh.

Về mô hình tổ chức

- Kiện toàn lực lượng và tổ chức nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng chiến lược.
- Bên cạnh việc nâng cao chất lượng dịch vụ hoạt động môi giới truyền thống, Công ty đang đầu tư công nghệ mạnh mẽ và thúc đẩy hoạt động Kinh doanh số để tăng trải nghiệm khách hàng.

Về hoạt động kinh doanh

- Lần đầu tiên Công ty đạt doanh thu 12 tháng lũy kế đạt 3.665 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ;
- Lợi nhuận trước thuế 1.415 tỷ đồng, tăng 52% so với cùng kỳ và hoàn thành 109% KH 2025;
- Hiệu quả ROE đạt 15,2%;
- Tổng tài sản đạt 30.776 tỷ đồng tăng 39% so với cùng kỳ;
- Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2025 đạt 7.995 tỷ đồng, tăng 16% so với 2024;
- Thị phần môi giới: 6 tháng cuối năm MBS đã tăng một bậc đạt TOP 6 sàn HSX và thị phần cả năm đạt 5,37% duy trì vị trí TOP 7; thị phần HNX đạt 6,08% duy trì TOP 5; thị phần phái sinh đạt 4,24% tương đương TOP 6; thị phần UPCoM đạt 5,91% duy trì TOP 5;
- Phối hợp với MB để thúc đẩy hoạt động bán chéo Tập đoàn;
- Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài đảm bảo nguồn vốn cho kinh doanh.

Về quản trị rủi ro

Kiểm soát chặt chẽ danh mục chứng khoán cho vay, điều chỉnh kịp thời trong điều kiện thị trường biến động mạnh đảm bảo an toàn cho Công ty.

TỔNG DOANH THU

3.665

TỶ ĐỒNG

117%
so với 2024

109%
so với KH 2025

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

1.415

TỶ ĐỒNG

152%
so với 2024

109%
so với KH 2025

Về công nghệ

- Phối hợp chặt chẽ và bám sát chiến lược phát triển CNTT Tập đoàn MB; Đầu tư mạnh mẽ các giải pháp CNTT để tiếp tục nâng cao trải nghiệm khách hàng, gia tăng tiện ích cho khách hàng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.
- Triển khai phát triển/nâng cấp các sản phẩm/hệ thống như: Dịch chuyển hạ tầng, golive hệ thống KRX theo yêu cầu của CQQL, Dolphin AI, tăng cường an toàn thông tin trong bối cảnh an ninh mạng phức tạp và đạt nhiều kết quả tích cực.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành

Căn cứ vào Điều lệ, HĐQT giao quyền cho Ban Điều hành quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động do ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban Điều hành đã thực hiện tốt các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông. Ban Điều hành đã chú trọng nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động đoàn thể, phát triển văn hóa doanh nghiệp được tăng cường, tạo được môi trường đoàn kết gắn bó tại Công ty.

Kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị trong năm 2026

Trong năm 2026, HĐQT tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

VỀ CHIẾN LƯỢC

Tiếp tục triển khai các sáng kiến trong chiến lược 2022 – 2026, đặc biệt là hoàn chỉnh những giải pháp thực thi để tạo động lực tốt hơn cho MBS trong tương lai.

VỀ TỔ CHỨC QUẢN TRỊ

Tiếp tục nâng cao chất lượng bộ máy quản trị điều hành của HĐQT – BĐH, tăng cường vai trò của HĐQT và BKS, phát huy vai trò của các Ủy ban và cơ quan hỗ trợ cho HĐQT.

VỀ ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

Mục tiêu kinh doanh:

DOANH THU	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	ROE TỐI THIỂU
4.675 tỷ VNĐ	1.850 tỷ VNĐ	15%

Thông qua:

(1) Tiếp tục duy trì các chính sách và triển khai thêm các giải pháp nhằm thúc đẩy thị phần môi giới;

(2) Lựa chọn cơ hội đẩy mạnh quy mô hoạt động tự doanh cổ phiếu, trái phiếu;

(3) Đẩy mạnh mô hình kinh doanh số, tăng tốc thu hút khách hàng, gia tăng tỷ lệ khách hàng active;

(4) Tập trung khai thác tệp khách hàng MB, tăng cường digital marketing và nâng cao chất lượng các sản phẩm dịch vụ trên cơ sở phân tích sâu chân dung khách hàng;

(5) Phát huy vai trò triển khai các nghiệp vụ của Công ty chứng khoán trong mô hình kinh doanh trái phiếu của Tập đoàn, gia tăng doanh số tư vấn IB.

VỀ SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có, đồng thời đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, đặc biệt là sản phẩm trên kênh số để phù hợp với thông lệ quốc tế, yêu cầu luật định và đáp ứng nhu cầu khách hàng. Cải cách thủ tục hành chính, chú trọng thiết kế sản phẩm linh hoạt, có tính dẫn dắt thị trường.

VỀ CÔNG NGHỆ

Phối hợp chặt chẽ và bám sát chiến lược phát triển CNTT Tập đoàn, đầu tư hạ tầng CNTT hiện đại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.

VỀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

Với phương châm con người là nguồn lực cốt lõi của công ty, năm 2026 công ty sẽ tiếp tục thu hút các nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài, đồng thời, đẩy mạnh phát triển nguồn lực nội bộ tại các mảng hoạt động kinh doanh và hỗ trợ trọng yếu; tiếp tục hoàn thiện cơ chế đãi ngộ theo năng suất lao động.

Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đã xây dựng và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2025, đồng thời định hướng, chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ phối hợp với các đơn vị tuyến bảo vệ số 1 và tuyến bảo vệ số 2 xây dựng và thực hiện kế hoạch 2025 đảm bảo hiệu quả, tối ưu nguồn lực.

Công tác triển khai nhiệm vụ của Ban Kiểm soát luôn được phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát theo hướng minh bạch, kịp thời. Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị; tham gia cho ý kiến có chất lượng, khách quan về các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị.

Hoạt động giám sát đối với công tác quản trị và điều hành

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tập trung vào: giám sát tuân thủ quy định pháp luật, quy định nội bộ của HĐQT, TGĐ trong hoạt động quản trị, điều hành tại Công ty; giám sát thực thi chiến lược; giám sát tài chính, hoạt động quản lý rủi ro; giám sát hoạt động đầu tư mua bán tài sản và thuê ngoài; giám sát hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu; giám sát hoạt động giao dịch với các bên liên quan; giám sát hoạt động kinh doanh lõi; giám sát cấp cao đối với Kiểm toán nội bộ; giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty.

Kết quả giám sát cho thấy:

- Hội đồng quản trị, Ban Điều hành đã tổ chức triển khai nhiệm vụ theo quy định pháp luật, quy định nội bộ và các thông lệ tiên tiến, phù hợp với hoạt động của MBS;
- Ban lãnh đạo MBS đã nỗ lực và quyết tâm triển khai chủ động, linh hoạt, sáng tạo với các giải pháp kinh doanh bám sát tình hình thị trường hoành thành tốt kế hoạch 2025. MBS ghi nhận mức doanh thu, lợi nhuận cao nhất trong lịch sử hoạt động của công ty, cụ thể:
  - ✓ Về quy mô: Tổng tài sản đạt 30.776 tỷ đồng, tăng 39% so với cùng kỳ.
  - ✓ Doanh thu đạt 3.665 tỷ đồng, hoàn thành 109% kế hoạch và tăng 17% so với 2024.
  - ✓ Lợi nhuận trước thuế đạt 1.415 tỷ đồng, hoàn thành 109% kế hoạch và tăng 52% so với 2024. Lợi nhuận sau thuế đạt 1,131 tỷ đồng, tương ứng tăng 52% so với 2024.
  - ✓ ROE năm 2025 đạt 15,2% với hiệu quả sử dụng vốn ở vị trí TOP3 trong 10 công ty chứng khoán thị phần lớn nhất sàn HSX.
  - ✓ Thị phần môi giới tăng trưởng: 6 tháng cuối năm MBS đã tăng một bậc đạt TOP 6 sàn HSX và thị phần cả năm đạt 5,37% duy vị trí TOP 7; thị phần HNX đạt 6,08% duy trì TOP 5; thị phần phái sinh đạt 4,24% tương đương TOP 6; thị phần UPCoM đạt 5,91% duy trì TOP 5.
  - ✓ Tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cho hạ tầng và hệ thống công nghệ thông tin, triển khai đồng bộ nhiều dự án số hóa trọng điểm nhằm nâng cao năng lực vận hành, tối ưu trải nghiệm khách hàng và thúc đẩy tăng trưởng hoạt động kinh doanh số.

Hoạt động thẩm định báo cáo tài chính, giám sát kết quả tài chính

Ban Kiểm soát đã làm việc với Công ty kiểm toán độc lập (KPMG) về kế hoạch/ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng và cả năm, giám sát toàn diện công tác quyết toán/ khóa sổ năm 2025, giám sát các chỉ số an toàn tài chính theo Quy định. Trong kỳ, Công ty kiểm toán KPMG đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần với báo cáo tài chính năm 2025 của MBS. Kết quả thẩm định và giám sát tài chính cho thấy, xét trên các khía cạnh trọng yếu Báo cáo tài chính MBS đã phản ánh ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty trên cơ sở các quy định của các chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. MBS đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính, các giới hạn đầu tư cho vay đáp ứng quy định của Pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

Hoạt động chỉ đạo và giám sát triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ

Ban Kiểm soát đã định hướng, chỉ đạo và giám sát cấp cao Phòng Kiểm toán nội bộ hoàn thành kế hoạch kiểm toán năm 2025. Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ đã đưa ra các kiến nghị/ khuyến nghị kiện toàn hệ thống kiểm soát nội bộ, tuân thủ các quy định pháp luật, nội bộ, góp phần hạn chế rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động cho Công ty.

Rà soát giao dịch với người có liên quan

Ban Kiểm soát thực hiện giám sát giao dịch của MBS với người có liên quan, người nội bộ theo quy định pháp luật. Trong năm 2025, MBS thực hiện giao dịch với người có liên quan phù hợp với quy định pháp luật và quy định nội bộ.

HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM NĂM 2025

- Giám sát công tác quản trị và điều hành.
- Thẩm định Báo cáo tài chính, và giám sát triển khai hoạt động kiểm toán nội bộ.
- Rà soát giao dịch với người có liên quan.
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật trong hoạt động kinh doanh chứng khoán.

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỐT LÕI

Hoạt động môi giới, tăng tốc chuyển đổi số

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động mạnh, thị trường tài chính/ chứng khoán trong nước chịu tác động lớn do chính sách thuế quan và các yêu cầu đổi mới, cùng với sự gia tăng cạnh tranh về vốn và thị phần trong ngành chứng khoán, MBS chủ động điều hành hoạt động môi giới một cách linh hoạt và duy trì tăng trưởng cao và tiếp tục củng cố vị thế MBS trên thị trường:

- Thị phần HSX ghi nhận dấu ấn tăng trưởng mạnh qua các quý, đặc biệt trong nửa cuối năm 2025 khi thị phần MBS nâng một bậc lên TOP 6 và bình quân cả năm đạt 5,37% duy trì vị thế TOP 7. Kết quả dư nợ dịch vụ tài chính thời điểm cuối năm 2025 gấp 1,5 lần so với cùng kỳ 2024, duy trì chất lượng dư nợ tốt với 14 năm liên tiếp không phát sinh nợ xấu.
- Triển khai linh hoạt và mạnh mẽ các chương trình ưu đãi phí - lãi suất, đẩy mạnh hoạt động marketing góp phần gia tăng hiệu quả thu hút khách hàng active, kết quả năm 2025 công ty có số lượng khách hàng active tăng gần 1,5 lần so với năm 2024.
- Đội ngũ môi giới được đào tạo chuyên môn theo định hướng chuyên gia tư vấn quản lý tài sản (wealth management), đồng thời triển khai thu hút lực lượng môi giới chất lượng cao với chính sách hoa hồng cạnh tranh.
- Cải tiến sản phẩm, tính năng tiện ích nhằm gia tăng giá trị cho khách hàng như: ra mắt phiên bản nâng cấp Dolphin AI – tra cứu nhanh, phạm vi rộng, phân tích đa chiều và hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm trên nền tảng số về cổ phiếu, phái sinh và chứng quyền.
- Đối với nhóm khách hàng tổ chức trong và ngoài nước, bên cạnh việc nâng cấp chất lượng dịch vụ đảm bảo kết nối hệ thống giao dịch thông suốt, MBS thường xuyên triển khai các chuỗi thuyết trình chiến lược đầu tư chuyên sâu và chuyên nghiệp góp phần gia tăng hiệu quả giao dịch cho khách hàng.

Hoạt động dịch vụ Ngân hàng đầu tư (IB) mở rộng đối tác, nâng cao chất lượng sản phẩm, khẳng định uy tín

Hoạt động IB tiếp tục được chú trọng, đặc biệt trong mảng tư vấn phát hành trái phiếu, với đội ngũ nhân sự IB giàu kinh nghiệm kết hợp sức mạnh cộng hưởng từ hệ sinh thái MB, MBS tiếp tục củng cố hoàn thiện chuỗi giá trị tư vấn, mở rộng nguồn khách hàng và khẳng định uy tín của công ty trên thị trường vốn.

Năm 2025, MBS đã triển khai thành công với một số khách hàng lớn gồm: Masan, Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt và tiếp tục thể hiện vai trò tư vấn trong Tập đoàn.

Hoạt động đầu tư an toàn, hiệu quả

Năm 2025, mặc dù thị trường biến động và phân hóa mạnh nhưng MBS đã tận dụng hiệu quả các cơ hội để gia tăng quy mô danh mục và hiện thực hóa lợi nhuận tốt, theo đó hiệu quả sinh lời danh mục cổ phiếu vượt mức tăng trưởng của chỉ số VN-Index. Song song với mục tiêu gia tăng lợi nhuận, công ty duy trì kỷ luật quản trị danh mục chặt chẽ, ưu tiên nguyên tắc an toàn và ổn định nhằm bảo vệ chất lượng tài sản và kiểm soát tốt rủi ro trong điều kiện thị trường biến động mạnh.

Bên cạnh đó, MBS tiếp tục đẩy mạnh hoạt động chứng quyền trong năm 2025, góp phần gia tăng thanh khoản cho sản phẩm, mở rộng độ phủ thị trường và đa dạng doanh thu.

CÁC NỀN TẢNG HỖ TRỢ KINH DOANH

Hoạt động nghiên cứu chuyên sâu với thông tin và chất lượng tư vấn tốt

Xác định mục tiêu đồng hành và thu hút nhà đầu tư bằng chất lượng dịch vụ, năm 2025 MBS đẩy mạnh nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu, nhận định thị trường, cung cấp thông tin và tư vấn, đặc biệt trên các nền tảng số nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư.

- Hệ thống báo cáo kinh tế vĩ mô, ngành và nhận định thị trường được đầu tư chuyên sâu, toàn diện, cập nhật kịp thời và được cộng đồng nhà đầu tư đánh giá cao nhờ tính thực tiễn, độ tin cậy và khả năng hỗ trợ ra quyết định với nhiều nhóm ngành nằm trong TOP 3 trên Bloomberg.

- Các báo cáo, phân tích được phát hành song ngữ Việt - Anh, tạo điều kiện thuận lợi cho cả nhà đầu tư trong nước và quốc tế tiếp cận; nhiều nội dung đã được các cơ quan báo chí uy tín trích dẫn và sử dụng, qua đó khẳng định vị thế chuyên môn của MBS

- Chuỗi tư vấn trực tuyến “Theo dòng Index” duy trì sức hút với hàng nghìn lượt theo dõi mỗi ngày, chủ động tham vấn đầu tư cho danh mục đa dạng các cổ phiếu có tiềm năng tăng trưởng, góp phần hỗ trợ nhà đầu tư tối ưu hóa hiệu quả quản trị tài sản.

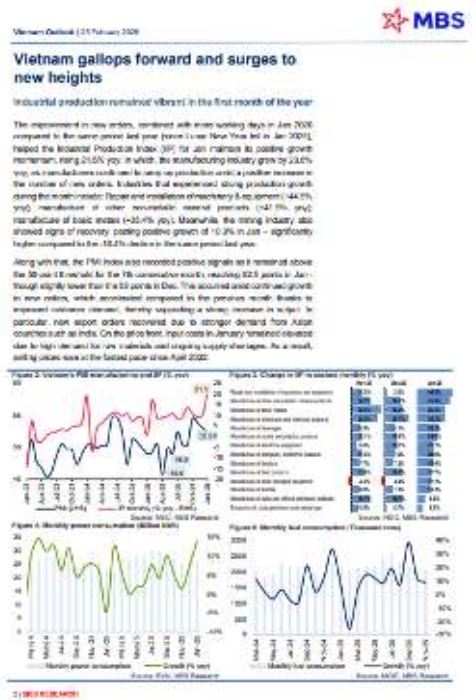

CÁC NỀN TẢNG HỖ TRỢ KINH DOANH

Nền tảng công nghệ thông tin đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và hấp dẫn khách hàng

MBS tiếp tục đẩy mạnh đầu tư cho công nghệ và chuyển đổi số nhằm đáp ứng quy mô hoạt động và khối lượng giao dịch tăng trưởng mạnh, song song đó công ty cũng dành nhiều nguồn lực đầu tư nâng cao an toàn, an ninh hệ thống. Năm 2025, nền tảng giao dịch MBS Mobile App nhận giải thưởng cao nhất của Sao Khuê.

Bên cạnh việc đầu tư tăng cường năng lực xử lý hệ thống, MBS còn chủ động hoàn thiện và từng bước nâng cao tiêu chuẩn hệ thống để không chỉ đáp ứng các yêu cầu của Việt Nam mà còn tiếp cận và đáp ứng các chuẩn mực quốc tế, năm 2025 MBS đã hoàn thành thủ tục đánh giá và được cấp chứng chỉ ISO270001 đối với hệ thống công nghệ thông tin. MBS cũng là một trong số công ty chứng khoán hàng đầu vinh dự được Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HSX) trao Kỷ niệm chương ghi nhận đóng góp tích cực trong quá trình triển khai hệ thống KRX.

Một số dự án nổi bật được triển khai trong năm nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh và tối ưu vận hành, góp phần gia tăng năng suất lao động và lợi nhuận tăng trưởng vượt bậc như: Mobile App được cập nhật nâng cấp theo hướng hiện đại, trực quan và cá nhân hóa và có thể tùy biến theo nhu cầu khách hàng; các sản phẩm tiên phong trong thị trường như Dolphin AI, tự động hóa công tác chăm sóc khách hàng, tự động hóa quản trị nhân sự và công tác thanh toán nội bộ…, website được xây dựng mới theo phong cách trẻ trung hiện đại thân thiện với khách hàng…

CÁC NỀN TẢNG HỖ TRỢ KINH DOANH

Quản trị rủi ro thông minh, xác lập cơ chế quản trị tự động và thiết lập các vòng bảo vệ chắc chắn

Công tác quản trị rủi ro tại MBS tiếp tục được định hình theo các thông lệ tiên tiến, hướng tới mô hình quản trị thông minh với trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin và quản trị dữ liệu hiệu quả.

Với định hướng phát triển bền vững, MBS tiếp tục áp dụng phương pháp quản trị rủi ro chủ động và tiên tiến, phát huy hiệu quả vai trò tham mưu và giám sát tuân thủ, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh và tiếp tục hoàn thành mục tiêu không phát sinh nợ xấu 14 năm liên tiếp mặc dù diễn biến thị trường chứng khoán năm 2025 nhiều biến động.

MBS chủ động rà soát và giảm thiểu các sự cố rủi ro, tăng cường kiểm soát rủi ro hoạt động, cập nhật kịp thời và đáp ứng tốt các thay đổi của các văn bản pháp luật và quy định của cơ quan quản lý, không phát sinh các khiếu nại khiếu kiện.

Tăng cường năng lực vốn, tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững

Công ty tiếp tục củng cố năng lực vốn theo định hướng đã được ĐHĐCĐ phê duyệt, bao gồm phương án phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ lên 6,587 tỷ đồng, tăng 15% so với đầu năm, dự kiến tháng 1/2026 công ty hoàn tất thủ tục triển khai phương án phát hành cổ phiếu ESOP.

Bên cạnh đó, công ty cũng đã được ĐHĐCĐ thông qua kế hoạch phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu hướng tới mục tiêu nâng vốn điều lệ lên trên 10.000 tỷ đồng ngay trong năm 2026, tạo nền tảng tài chính vững chắc cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo.

KẾT LUẬN

Năm 2025, MBS đã có kết quả kinh doanh ấn tượng và duy trì hiệu quả hoạt động tốt:

- **Duy trì vị thế trên thị trường chứng khoán, tiếp tục là lựa chọn ưu tiên của nhà đầu tư nhờ định hướng lấy khách hàng làm trung tâm, mô hình hoạt động và sản phẩm dịch vụ đa dạng đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng; MBS kiên định chiến lược phát triển bền vững, đa dạng hóa nguồn thu gắn với quản trị rủi ro chặt chẽ.**
- **Lợi nhuận trước thuế đạt mức kỷ lục 1.415 tỷ đồng, vượt kế hoạch lợi nhuận do ĐHĐCĐ giao.**
- **Hiệu quả sinh lời ROE nằm trong TOP 3 nhóm 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất thị trường.**
- **Năng suất lao động tăng trưởng vượt trội (LNTT/ người tăng 55% so với 2024).**
- **Nền tảng công nghệ hiện đại, theo chuẩn thông lệ quốc tế, là nền tảng quan trọng cho quá trình chuyển đổi số toàn diện.**
- **Các chỉ tiêu an toàn tài chính luôn đáp ứng theo quy định pháp luật.**
- **Tình hình thanh khoản được đảm bảo tốt, quản trị rủi ro an toàn, không để phát sinh nợ xấu.**

KẾ HOẠCH NĂM 2026

Năm 2026, Việt Nam đưa mục tiêu tăng trưởng GDP đạt 10% gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn. Trong bối cảnh đó, phương châm hành động của MBS là **"TĂNG TỐC – VỮNG CHẮC - HIỆU QUẢ"**, và công ty quyết tâm hoàn thành các mục tiêu chiến lược với các định hướng hoạt động sau:

01

KINH DOANH

Tập trung thúc đẩy mô hình kinh doanh số song song với việc gia tăng hiệu quả hoạt động của mô hình môi giới truyền thống.

02

CÔNG NGHỆ

Nâng cao năng lực công nghệ thông tin, tăng tốc chuyển đổi số toàn diện, gia tăng tiện ích và nâng cao trải nghiệm cho khách hàng.

03

HIỆP LỰC TẬP ĐOÀN

Hiệp lực Tập đoàn để khai thác toàn diện hệ sinh thái, tối ưu hóa nguồn lực và mở rộng cơ hội kinh doanh.

04

QUẢN TRỊ

Chuẩn hóa dữ liệu hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị, chi tiêu thông minh và tăng năng suất lao động.

DOANH THU	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	THỊ PHẦN MÔI GIỚI CƠ SỞ	NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG
4.675 TỶ ĐỒNG	1.850 TỶ ĐỒNG	6% PHẤN ĐẤU 6.5%	↑ 25% TỐI THIỂU

Căn cứ chi trả lương, thù lao, thưởng

Các căn cứ chi trả lương, thù lao, thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-MBS-ĐHĐCĐ ngày 15/04/2025.
- Quy chế lương và đãi ngộ của công ty
- Quy chế chi tiêu nội bộ
- Quy chế khen thưởng, phúc lợi của Công ty

STT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách	Không chuyên trách	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng tháng 13	Hưởng phúc lợi
1	Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch HĐQT		x		x	x	x
2	Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch HĐQT	x			x	x	x
3	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT		x		x	x	x
4	Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên HĐQT		x		x	x	x
5	Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT độc lập		x		x	x	x
6	Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	x			x	x	x
7	Bà Vũ Thị Hương	Thành viên Ban Kiểm soát		x		x	x	x
8	Bà Lê Thu Trang	Thành viên Ban Kiểm soát		x		x	x	x

Căn cứ chi trả lương, thù lao, thưởng (tiếp)

STT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách	Không chuyên trách	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng tháng 13	Hưởng phúc lợi
9	Ông Phan Phương Anh	Tổng Giám đốc	x		x		x	x
10	Ông Lê Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	x		x		x	x
11	Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	x		x		x	x
12	Bà Phạm Thị Kim Ngân	Phó Tổng Giám đốc	x		x		x	x
13	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên Ban Điều hành	x		x		x	x

Căn cứ chi trả lương, thù lao, thưởng (tiếp)

Chế độ bảo hiểm sức khỏe, chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ du lịch hàng năm, chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, chế độ sử dụng ô tô, chế độ công tác phí theo thực tế phát sinh và các đãi ngộ khác theo quy định nội bộ Công ty.

06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm xã hội, môi trường và quản trị bền vững

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong hành trình phát triển bền vững, MBS đã xác định các mục tiêu và đưa ra hành động cụ thể dựa trên 3 trụ cột: môi trường, xã hội và quản trị. MBS hướng đến mang lại thịnh vượng bền vững cho các bên hữu quan, bao gồm khách hàng, cộng đồng, nhân viên và cổ đông.

MÔI TRƯỜNG	XÃ HỘI	QUẢN TRỊ
MỤC TIÊU		
Kiểm soát rác thải, góp phần hiện thực hóa mục tiêu Net Zero vào năm 2050 của Việt Nam.	Mang lại lợi ích bền vững cho các bên liên quan bao gồm: Phát triển toàn diện người lao động, nâng cao trải nghiệm khách hàng và đóng góp giá trị tích cực cho cộng đồng.	Đóng góp vào sự tăng trưởng bền vững, không chỉ tập trung vào hiệu quả tài chính mà còn chú trọng đến các vấn đề môi trường, xã hội và cam kết tuân thủ các quy định pháp luật.
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG		
Giảm rác thải trong hoạt động vận hành thông qua quản lý và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên.	✓ Tăng trưởng tài chính xã hội và tài chính bền vững. ✓ Xây dựng và triển khai các chính sách quản trị đảm bảo sức khỏe, an toàn, công bằng, bình đẳng và tôn trọng quyền con người. ✓ Thúc đẩy văn hóa doanh nghiệp, lan tỏa mạnh mẽ 5 giá trị cốt lõi của người MBS. ✓ Cung cấp đa dạng sản phẩm, dịch vụ tài chính hiện đại, an toàn, nâng cao trải nghiệm khách hàng. ✓ Tăng cường triển khai các chương trình, hoạt động trách nhiệm xã hội.	✓ Đảm bảo quyền lợi, nâng cao giá trị bền vững cho cổ đông một cách bình đẳng, hài hòa với lợi ích của các bên liên quan của công ty và xã hội. ✓ Áp dụng các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro tiên tiến để liên tục hoàn thiện cơ cấu quản trị và tăng cường hiệu quả kiểm soát rủi ro, tích hợp toàn diện yếu tố ESG vào hệ thống vận hành. ✓ Nâng cao tinh thần thượng tôn pháp luật, đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. ✓ Đảm bảo tính minh bạch, toàn diện, kịp thời trong cung cấp thông tin, đem lại lợi ích cao nhất cho các bên liên quan.

CÁC CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

1 TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG

Doanh thu: 3.665 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế: 1.415 tỷ đồng

Nộp ngân sách nhà nước: hơn 833,7 tỷ đồng

Cổ tức: Cổ tức bằng tiền tỷ lệ 12% và cổ phiếu thưởng tỷ lệ 3%

Quan hệ nhà đầu tư: Nhiều lượt gặp gỡ

2 PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Số giờ đào tạo: bình quân 30 giờ/người

Số lượt nhân sự đào tạo tập trung: 2.973 lượt

Số chương trình đào tạo triển khai: 51, trong đó

- Đào tạo bên ngoài: 26 chương trình
- Đạo tạo nội bộ: 25 chương trình

3 CHUNG TAY VÌ CỘNG ĐỒNG

Trách nhiệm xã hội: Thực hiện 02 chương trình từ thiện tại Lào Cai và Đắk Lắk

Tạo việc làm: 3.493 lao động (621 CBNV chính thức, 2.872 cộng tác viên).

Liên kết với các trường Đại học: 04 trường đại học lớn tại Hà Nội và TP. HCM (tham gia tài trợ/bảo trợ chuyên môn tại các trường đại học: Ngoại Thương, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng, Đại học Tài chính - Marketing).

Tuyển dụng: 55 nhân sự chính thức cho các đơn vị trên toàn hệ thống. Ngoài ra còn có lực lượng Tập sự, Thực tập sinh được đào tạo tại Công ty để tạo nguồn nhân sự kế cận.

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

KHÁCH HÀNG	MBS luôn cam kết cung cấp những giải pháp phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Trong những năm qua, MBS đã không ngừng mở rộng tệp khách hàng, đặc biệt tận dụng bán chéo sản phẩm dịch vụ và tận dụng tệp khách hàng của Ngân hàng mẹ MB. Khách hàng của MBS không chỉ được được cung cấp sản phẩm dịch vụ của MBS mà còn được cung cấp thêm nhiều giá trị gia tăng từ sản phẩm dịch vụ thuộc Tập đoàn MB. Những giá trị mà MBS mang lại cho khách hàng đã khẳng định vị thế của một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường, tạo niềm tin vững chắc cho khách hàng khi lựa chọn sản phẩm dịch vụ của MBS.
NGƯỜI LAO ĐỘNG	MBS luôn đặt con người là trọng tâm trong mọi hoạt động. Với các chính sách nhân sự, chế độ đãi ngộ và phúc lợi tốt MBS đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu nhiệt huyết gắn bó với nghề. Chính nhờ sự tiên phong, sáng tạo, kỷ luật, đoàn kết và tận tâm, đội ngũ nhân sự MBS đã đồng hành cùng công ty thực hiện chuyển đổi số toàn diện và nâng cao năng suất lao động để tiếp tục vươn lên gặt hái những thành quả trong giai đoạn phát triển mới.
CỔ ĐÔNG	MBS luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính, UBCKNN và của các Sở giao dịch chứng khoán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời cho cổ đông và nhà đầu tư đồng thời chủ động công bố thông tin quan trọng có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định của nhà đầu tư. Trong năm 2025, MBS thực hiện trả cổ tức năm 2025 bằng tiền mặt tỷ lệ 12% và cổ phiếu thưởng tỷ lệ 3%.
ĐỐI TÁC	Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, MBS luôn tuân thủ nguyên tắc hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng. Là một trong những công ty chứng khoán thành lập đầu tiên của Thị trường chứng khoán Việt Nam, MBS luôn phấn đấu nằm trong TOP các công ty chứng khoán hàng đầu, với uy tín và kinh nghiệm của mình, MBS đã tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với hàng trăm đối tác. Họ đã, đang và sẽ luôn sẵn sàng đồng hành cùng MBS trên con đường chinh phục những thử thách mới

MỐI QUAN HỆ BỀN VỮNG GIỮA CÁC BÊN LIÊN QUAN

CHÍNH QUYỀN	MBS tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, quy chuẩn hiện hành của pháp luật Việt Nam trong mọi hoạt động cũng như đóng góp vào NSNN đầy đủ. MBS đã xây dựng và tăng cường mối quan hệ tốt với các Bộ, Ban, Ngành nhưng không lợi dụng mối quan hệ này để đạt lợi ích bất chính.
CỘNG ĐỒNG	Một doanh nghiệp phát triển bền vững không thể tách rời các lợi ích chung của xã hội. Chính vì thế MBS đã xác định trách nhiệm của mình đối với hoạt động xã hội cộng đồng. Công đoàn MBS đã thực hiện vai trò là cầu nối để tấm lòng của CBNV MBS đến được với những hoàn cảnh thiếu thốn, khó khăn, bất hạnh, chung tay mang lại những điều tốt đẹp, ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội. Thiên tai trong các năm gần đây đang ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của doanh nghiệp nhưng MBS vẫn tổ chức các chương trình từ thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như hướng đến xây dựng doanh nghiệp nhân văn, thân thiện với cộng đồng.
BÁO CHÍ	MBS xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với báo chí trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và hợp pháp. Các thông điệp, thông tin cung cấp luôn đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ và khách quan, giúp cơ quan báo chí, truyền thông có được những thông tin chính xác về tình hình hoạt động của Công ty. Ngoài ra, MBS cũng chú trọng xây dựng các cơ chế xử lý khủng hoảng truyền thông, đặc biệt trước các thông tin sai lệch cũng như đưa ra những phát ngôn chuẩn mực trước cơ quan báo đài.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
CỔ ĐÔNG, NHÀ ĐẦU TƯ	- ĐHĐCĐ thường niên/ bất thường - Website MBS. - Fanpage MBS. - Fanpage MBS Online. - Youtube MBS. - Gặp gỡ trực tiếp. - Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư.	- Kết quả kinh doanh tốt. - Thông tin minh bạch, rõ ràng, kịp thời và chính xác. - Năng lực quản trị Công ty tăng. - Giá trị Công ty tăng.	- Đầu tư có chiều sâu vào hoạt động truyền thông, marketing. - Thực hiện chi trả cổ tức. - Hoàn thiện hệ thống Quản trị Công ty.	- Tổng doanh thu đạt 3.665 tỷ đồng, cao nhất trong lịch sử phát triển. - Lợi nhuận trước thuế đạt 1.415 tỷ đồng, cao nhất trong lịch sử phát triển. - Tổng tài sản đạt 30.776 tỷ đồng, tăng gấp 1,4 lần so với 2024. - Giá trị vốn hóa đạt 25.260 tỷ đồng, tăng gấp 1,5 lần so với 2024. - Dư nợ DVTC đạt 15.041 tỷ đồng, gấp 1,5 lần so với 2024. - ROE đạt 15,2%; Nợ xấu = 0 trong 14 năm liên tiếp. - Thị phần đạt TOP 7 HSX, TOP 5 HNX, TOP 5 UpCom và TOP 6 Phái sinh.
KHÁCH HÀNG	- Đội ngũ nhân viên dịch vụ ngân hàng đầu tư, môi giới, tư vấn. - Tiếp xúc trực tiếp tại sàn giao dịch, tại trụ sở của đối tác… - Hội nghị tri ân khách hàng. - Tổng đài Contact24. - Website, youtube, email, facebook - Hội thảo chuyên ngành. - Chương trình khảo sát khách hàng/ thị trường.	- Chất lượng dịch vụ tốt, giá/phí cạnh tranh. - Địa điểm giao dịch thuận tiện. - Giao dịch thuận tiện, an toàn, bảo mật đặc biệt trên nền tảng số. - Nhân viên thân thiện, nhiệt tình, tận tâm.	- Nâng cao trình độ đội ngũ broker và nghiệp vụ quầy giao dịch. - Nâng cao chất lượng các hội thảo chuyên môn, các báo cáo phân tích, khuyến nghị đầu tư. - Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo. - Đầu tư hạ tầng cơ sở, thường xuyên nâng cấp phần mềm/ ứng dụng giao dịch. - Tổ chức tri ân khách hàng.	- Golive hệ thống Newcore trading an toàn. - Kết nối hệ thống KRX theo đúng kế hoạch. - Ra mắt Dolphin AI, nâng cấp tính năng và tư vấn hóa theo cá nhân khách hàng. - Golive website mới hiện đại, thân thiện, chuyên nghiệp. - Đội ngũ broker được đào tạo cả về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng mềm. - Khảo sát nhu cầu khách hàng; đẩy mạnh các chương trình bán, phát triển các gói dịch vụ đa dạng, linh hoạt, phù hợp với khẩu vị đầu tư của từng khách hàng.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
CƠ QUAN QUẢN LÝ	- Tiếp xúc trực tiếp. - Thông qua các hội thảo, hội nghị… do Cơ quan quản lý tổ chức.	- Tuân thủ các quy định của Nhà nước và pháp luật liên quan đến hoạt động của ngành. - Tích cực tham gia các hoạt động và đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.	- Tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. - Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước. - Tham gia ý kiến vào việc xây dựng các văn bản về chính sách, quy chế và tích cực tham gia hoạt động của cơ quan quản lý.	- Luôn tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. - Năm 2025 nộp NSNN hơn 833,7 tỷ đồng.
CÁC HIỆP HỘI	Thông qua các hội thảo, hội nghị… do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán Việt Nam tổ chức.	Là thành viên tích cực của Hiệp hội.	- Tham gia tích cực vào hoạt động của Hiệp hội. - Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính với các Hiệp hội.	- Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội. - Tham gia đầy đủ các hội thảo, hội nghị do Hiệp hội tổ chức và/hoặc chỉ đạo tham dự. - Được Hiệp hội Kinh doanh chứng khoán Việt Nam ghi nhận là một trong những thành viên tích cực nhất trong hoạt động của Hiệp hội.
BÁO CHÍ	- Các hội thảo, hoạt động do các cơ quan báo chí tổ chức. - Tổ chức gặp mặt và giao lưu gắn kết. - Duy trì trao đổi thông tin qua email và các nền tảng xã hội.	- Có cơ chế tiếp cận thông tin về hoạt động của Công ty nhanh chóng. - Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông, báo chí.	- Chủ động cập nhật thông tin cho cơ quan báo chí. - Cung cấp thông tin chuyên ngành cho cơ quan báo chí.	- Tham gia trả lời phỏng vấn trên báo giấy, báo online và xuất hiện trên truyền hình VTV. - Xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ tốt với cơ quan truyền thông, báo chí.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA MBS VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
NGƯỜI LAO ĐỘNG	- Khối Nhân sự, Công đoàn. - Cán bộ quản lý trực tiếp. - Các chương trình đạo tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài. - Các lễ sơ kết, tổng kết thường niên. - Hoạt động nghỉ mát, kỷ niệm sinh nhật công ty, phong trào thể thao. - Các sự kiện nội bộ: 8/3, 1/6, trung thu, 20/10... - Các chương trình xã hội, cộng đồng.	- Công việc ổn định. - Môi trường làm việc thân thiện. - Thu nhập ổn định và có sự tăng trưởng. - Chính sách phúc lợi đầy đủ và được đảm bảo. - Có chính sách đào tạo và cơ hội phát triển, thăng tiến. - Được quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV. - Được ghi nhận.	- Tạo việc làm ổn định, mở rộng cơ hội việc làm thông qua mở rộng sản phẩm dịch vụ kinh doanh và tuyển dụng nhân sự mới. - Chi trả thu nhập ổn định, thu nhập gắn với hiệu quả công việc để tạo động lực cho người lao động. Định kỳ rà soát chính sách lương thưởng phù hợp với thị trường. - Phát hành cổ phiếu ESOP nhằm ghi nhận sự đóng góp của CBNV và gắn kết người lao động. - Ban hành và thực hiện các chế độ phúc lợi cho người lao động: khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe, chương trình hưu trí bổ sung tự nguyện, hỗ trợ thể chất... - Tăng ngân sách dành cho hoạt động đào tạo nội bộ và bên ngoài. - Xây dựng các chương trình thi đua thúc đẩy KD. - Tạo điều kiện để các tổ chức quần chúng (công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ) phát huy vai trò xây dựng môi trường văn hóa thân thiện.	- Năm 2025, số lượng CBNV mới được tuyển dụng là 55 người. - Thực hiện trả lương, thưởng hiệu quả kinh doanh đúng hạn, lương bình quân của người lao động năm 2025 có tăng trưởng 40% so với năm 2024. - Đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN theo quy định. - Bổ sung, làm đa dạng thêm các chế độ phúc lợi cho CBNV: Bảo hiểm Nhân thọ, Hỗ trợ sức khỏe dự phòng, đãi ngộ cho nhân sự thâm niên gắn bó. - Trong năm 2025, 35 đơn vị và 183 cá nhân đã được vinh danh khen thưởng. - Số giờ đào tạo bình quân/ người vượt KH đề ra. - Phát động các chương trình thi đua kinh doanh được CBNV hưởng ứng sôi nổi. - Hoạt động của các tổ chức quần chúng được thực hiện thường xuyên tạo gắn kết.
CỘNG ĐỒNG, XÃ HỘI	Tiếp xúc trực tiếp với người dân và chính quyền địa phương.	- Góp phần giúp đỡ những người hoạn nạn, bị ảnh hưởng bởi thiên tai. - Góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân khó khăn, vùng sâu, vùng xa.		- Chương trình thiện nguyện tại Trường mầm non Kang Kỷ, xã Văn Chấn, tỉnh Lào Cai: 100 phần quà gồm đồ dùng học tập, bánh, sữa…; - Chương trình từ thiện tại Trường Mầm non An Thạch tại xã Tuy An Đông tỉnh Đăk Lăk (Phú Yên cũ): đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ giáo viên và học sinh có hoàn cảnh khó khăn sau thiên tai.

ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1 LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Lần đầu tiên gia nhập "Câu lạc bộ Lợi nhuận nghìn tỷ" với mức lợi nhuận đạt **1.415 tỷ đồng** tăng trưởng 52% so với năm 2024 và gấp 2 lần năm 2023.

2 TỔNG TÀI SẢN

Tổng tài sản **vượt mốc 30.000 tỷ đồng** tăng 39% so với năm 2024 và gấp 2 lần năm 2023.

3 THỊ PHẦN

Thị phần bình quân trên sàn HSX năm 2025 đạt 5,37% cao nhất từ năm 2018 trở lại đây; tăng net 0,48% so với năm 2024; trong đó Q3, Q4 tăng 01 bậc xếp hạng trên sàn HSX (đạt TOP 6); Lũy kế cả năm Thị phần đạt **TOP 7 HSX, TOP 5 HNX, TOP 5 UPCOM và TOP 6 Phái sinh**.

4 GIÁ TRỊ VỐN HÓA

Giá trị vốn hóa chạm mốc kỷ lục **25.000 tỷ đồng**, tăng gấp 1,4 lần so với thời điểm đỉnh cao của năm 2024.

5 QUY MÔ KHÁCH HÀNG

Quy mô Khách hàng tăng 25% so với năm 2024 trong đó số lượng tài khoản mở mới tăng 40% so với 2024, số lượng tài khoản active tăng gấp 1,5 lần so với năm 2024.

6 TỰ DOANH

Đầu tư tự doanh cổ phiếu hoàn thành xuất sắc kế hoạch với tỷ suất sinh lời vượt tốc độ tăng của VnIndex năm 2025.

ĐÁNH GIÁ CÁC VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

7 QUẢN TRỊ RỦI RO

Quản trị rủi ro thông minh và hiệu quả, duy trì **14 năm liên tiếp** không có nợ xấu dịch vụ tài chính.

8 CHI PHÍ

Quản trị chi phí hiệu quả, **CIR giảm năm thứ 4 liên tiếp.**

9 CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Golive và vận hành ổn định hệ thống **NEWCORE** do MBS tự phát triển và hệ thống KRX theo yêu cầu của Cơ quan quản lý. Năm 2025, xử lý **98% lệnh thực hiện qua kênh số**, khẳng định bước tiến mạnh mẽ về năng lực công nghệ và chuyển đổi số.

10 SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm tại MBS **trên nền tảng số**: App và Web.

11 NHÂN SỰ

Tinh gọn mô hình tổ chức và đội ngũ nhân sự ưu cho kinh doanh; tối ưu quy trình, ứng dụng số hóa trong vận hành/ quản lý hệ thống góp. Năng suất lao động năm 2025 đạt mức kỷ lục: Lợi nhuận trước thuế/người **tăng 55%** so với năm 2024.

12 ĐÃI NGỘ

Triển khai nhiều chương trình đãi ngộ, tri ân CBNV như ESOP, Bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm nhân thọ, tài trợ tiêm vacxin, chương trình học tập kết hợp du lịch nước ngoài, sự kiện kỷ niệm sinh nhật kết hợp nghỉ dưỡng tại Đà Nẵng cho toàn bộ CBNV tại resort 5 sao, trang bị toàn bộ đồng phục mới gồm cả công sở và đồng phục thể thao…

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính năm 2025

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số	116/GP-UBCK	ngày 9 tháng 12 năm 2013
	112/GPĐC-UBCK	ngày 18 tháng 11 năm 2022
	21/GPĐC-UBCK	ngày 4 tháng 4 năm 2024
	75/GPĐC-UBCK	ngày 14 tháng 10 năm 2024
	01/GPĐC-UBCK	ngày 3 tháng 1 năm 2025
	116/GPĐC-UBCK	ngày 24 tháng 10 năm 2025
	127/GPĐC-UBCK	ngày 27 tháng 11 năm 2025

Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán ("GPHĐKDCK") do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là GPHĐKDCK số 127/GPĐC-UBCK ngày 27 tháng 11 năm 2025.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	0106393583	ngày 9 tháng 12 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 12 năm 2025.

Hội đồng Quản trị	Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch
	Ông Phan Phương Anh	Phó Chủ tịch
	Ông Phạm Thế Anh	Thành viên HĐQT độc lập
	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên
	Ông Phạm Xuân Thanh	Thành viên
Ban Kiểm soát	Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng Ban
	Bà Vũ Thị Hương	Thành viên
	Bà Lê Thu Trang	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc	Ông Phan Phương Anh	Tổng Giám đốc
	Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Bà Phạm Thị Kim Ngân	Phó Tổng Giám đốc *(từ ngày 25 tháng 9 năm 2025)*
Người đại diện theo pháp luật	Ông Phan Phương Anh	Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	Khu vực 1 – Tầng 7 và 8, Tòa nhà MB Số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa Hà Nội, Việt Nam	
Công ty Kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc **Error! Reference source not found.**.

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 6 đến trang 82 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại **Error! Reference source not found.**, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

- Tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty

Phan Phương Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại **Error! Reference source not found.**, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 82.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB tại **Error! Reference source not found.**, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 25-02-00178-26-4

Đàm Xuân Lâm
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0861-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Lê Nhật Vương
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3849-2022-007-1

Hà Nội, ngày 24 tháng 2 năm 2026

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
	TÀI SẢN				
A.	**TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)**	**100**		**30.570.217.920.387**	**21.873.571.497.790**
I.	**Tài sản tài chính**	**110**		**30.551.105.307.265**	**21.853.905.561.273**
1.	Tiền và các khoản tương đương tiền	111	6	2.431.266.116.691	1.773.543.835.124
1.1.	*Tiền*	*111.1*		*2.431.266.116.691*	*1.749.543.835.124*
1.2.	*Các khoản tương đương tiền*	*111.2*		-	*24.000.000.000*
2.	Các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) (“FVTPL”)	112	8(a)	3.104.483.142.733	1.973.818.318.843
3.	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)	113	8(b)	6.714.472.421.784	4.994.512.493.078
4.	Các khoản cho vay	114	8(c)	15.040.584.813.320	10.293.729.065.183
5.	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	115	8(d)	3.092.748.059.694	2.706.379.850.371
6.	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	8(f)	(27.440.878.619)	(98.400.705.976)
7.	Các khoản phải thu	117	9	174.798.590.958	231.234.916.889
7.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	9	174.798.590.958	231.234.916.889
7.2.1	*Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận, các khoản đầu tư đáo hạn*	*117.3*	*9*	*29.767.353.266*	*29.172.766.557*
7.2.2	*Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*	*117.4*	*9*	*145.031.237.692*	*202.062.150.332*
8.	Trả trước cho người bán	118	10	11.044.645.844	8.229.736.516
9.	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	119	11	9.014.015.780	7.852.593.150
12.	Các khoản phải thu khác	122	12	7.920.148.920	4.537.982.300
13.	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	13	(7.785.769.840)	(41.532.524.205)
II.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**130**		**19.112.613.122**	**19.665.936.517**
1.	Tạm ứng	131		81.881.673	1.660.202.400
2.	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ	132		228.436.886	566.344.886
3.	Chi phí trả trước ngắn hạn	133	0	3.454.012.871	2.331.860.009
4.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	134	15(a)	15.090.000.000	15.090.000.000
6.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	136	26	17.529.222	17.529.222
7.	Tài sản ngắn hạn khác	137		240.752.470	-

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
B.	**TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 250)**	**200**		**206.112.065.455**	**258.309.153.265**
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**117.056.997.413**	**155.678.821.099**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	16	98.351.829.368	126.719.606.413
	- Nguyên giá	*222*		*305.896.987.831*	*313.472.981.714*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223a*		*(207.545.158.463)*	*(186.753.375.301)*
3.	Tài sản cố định vô hình	227	17	18.705.168.045	28.959.214.686
	- Nguyên giá	*228*		*105.827.937.576*	*103.045.231.066*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229a*		*(87.122.769.531)*	*(74.086.016.380)*
V.	**Tài sản dài hạn khác**	**250**		**89.055.068.042**	**102.630.332.166**
1.	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	15(b)	2.494.566.867	2.514.566.867
2.	Chi phí trả trước dài hạn	252	18	54.244.781.580	59.466.924.868
3.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	253	19	2.124.489.351	10.477.959.835
4.	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	254	20	20.000.000.000	20.000.000.000
5.	Tài sản dài hạn khác	255	21	10.191.230.244	10.170.880.596
	TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**30.776.329.985.842**	**22.131.880.651.055**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
C.	**NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)**	**300**		**22.781.531.321.125**	**15.223.341.794.443**
I.	**Nợ phải trả ngắn hạn**	**310**		**21.219.949.764.436**	**14.161.986.237.762**
1.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	22	17.730.048.954.174	13.069.703.217.309
1.1	*Vay ngắn hạn*	*312*		*17.730.048.954.174*	*13.069.703.217.309*
6.	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318	23	43.904.051.447	21.551.998.147
8.	Phải trả người bán ngắn hạn	320	24	12.460.795.794	11.493.708.210
9.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321	25	2.873.167.402.000	683.151.902.000
10.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	26	184.887.419.422	120.310.511.245
11.	Phải trả người lao động	323		5.974.991.485	4.083.140.070
12.	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		2.670.138.711	2.712.107.420
13.	Chi phí phải trả ngắn hạn	325	27	292.859.664.996	165.344.593.730
15.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		3.376.203.379	3.050.871.308
17.	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	28	9.649.593.267	14.530.406.797
19.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		60.950.549.761	66.053.781.526
II.	**Nợ phải trả dài hạn**	**340**		**1.561.581.556.689**	**1.061.355.556.681**
4.	Trái phiếu phát hành dài hạn	346	29	1.561.581.556.689	1.061.355.556.681
D	**VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)**	**400**		**7.994.798.664.717**	**6.908.538.856.612**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**		**7.994.798.664.717**	**6.908.538.856.612**
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	30	6.750.284.049.673	6.062.944.519.673
1.1.	*Vốn góp của chủ sở hữu*	*411.1*		*6.587.267.870.000*	*5.728.129.810.000*
a.	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411.1a*		*6.587.267.870.000*	*5.728.129.810.000*
1.2.	*Thặng dư vốn cổ phần*	*411.2*		*163.759.790.000*	*335.558.320.000*
1.5.	*Cổ phiếu quỹ*	*411.5*		*(743.610.327)*	*(743.610.327)*
5.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		24.516.764.528	24.516.764.528
6.	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		1.625.982.305	1.625.982.305
7.	Lợi nhuận chưa phân phối	417		1.218.371.868.211	819.451.590.106
7.1.	*Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện*	*417.1*		*1.214.775.282.087*	*789.317.719.875*
7.2	*Lợi nhuận chưa thực hiện*	*417.2*		*3.596.586.124*	*30.133.870.231*
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	**440**		**30.776.329.985.842**	**22.131.880.651.055**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
A.	**TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT**				
2.	Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ (VND)	002	31(a)	9.883.660.000	9.883.660.000
4.	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	004	31(b)	522.022.219.440	523.771.059.597
5.	Ngoại tệ các loại	005	31(c)		
	USD			*88*	*88*
	JPY			*780*	*780*
6.	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	006	30(b)	658.696.746	572.782.940
7.	Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu)	007	30(b)	30.041	30.041
8.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của công ty chứng khoán (VND)	008	31(d)	3.339.338.270.000	3.038.359.070.000
9.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán (VND)	009		-	150.000
10.	Tài sản tài chính chờ về của công ty chứng khoán (VND)	010		820.000.000	178.000.000
12.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán (VND)	012	31(e)	60.545.580.000	60.545.580.000
14.	Chứng quyền (Số lượng)	014		13.972.900	30.392.600
B.	**TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG**				
1.	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư	021	31(f)	65.082.428.340.000	53.070.947.018.000
a.	*Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng*	*021.1*		*36.884.301.110.000*	*30.428.360.868.000*
b.	*Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng*	*021.2*		*3.287.799.480.000*	*737.526.900.000*
c.	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*	*021.3*		*20.635.836.200.000*	*17.289.632.620.000*
d.	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*	*021.4*		*3.571.263.730.000*	*4.040.258.200.000*
e.	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*	*021.5*		*703.227.820.000*	*575.168.430.000*
2.	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	31(g)	1.606.396.000.000	3.812.875.610.000
a.	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại* VSDC *và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*	*022.1*		*102.120.490.000*	*1.443.755.430.000*
b.	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại* VSDC *và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng*	*022.2*		*1.504.275.510.000*	*2.369.120.180.000*
3.	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	023	31(h)	638.258.820.000	506.608.860.000

		Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
5.	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư	024.b	31(i)	855.440.000	858.240.000
7.	Tiền gửi của khách hàng	026		4.632.778.248.863	3.358.932.288.854
7.1.	*Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý*	*027*	31(j)	*4.249.811.256.637*	*2.910.908.869.249*
7.1.a	*Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC*	*027.1*	31(j)	*182.797.580.852*	*270.501.223.230*
7.2	*Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng*	*028*	31(j)	*101.605.089.728*	*171.589.439.729*
7.4.	*Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán*	030	*31*(k)	*98.564.321.646*	*5.932.756.646*
8.	Phải trả của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	031	31(l)	4.534.213.927.217	3.352.999.532.208
8.1.	*Phải trả của Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý*	*031.1*		*4.485.760.517.620*	*3.307.745.085.493*
8.2.	*Phải trả của Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý*	*031.2*		*48.453.409.597*	*45.254.446.715*
9.	Phải trả của Tổ chức phát hành chứng khoán	032	31(m)	98.438.803.364	5.807.238.364
12.	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	035	31(n)	125.518.282	125.518.282

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:		Người duyệt:
Tạ Duy Chung	Nguyễn Văn Học	Phạm Thị Kim Ngân	Phan Phương Anh
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Phó Tổng Giám đốc*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I.	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG**				
1.1.	Lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) ("FVTPL")	01		718.966.140.991	983.233.565.283
a.	*Lãi từ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*01.1*	*32*	*689.662.806.610*	*970.676.311.987*
b.	*Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*01.2*	*34*	*(4.963.443.133)*	*9.815.531.028*
c.	*Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*01.3*	*35(a)*	*16.255.966.800*	*2.708.649.200*
d.	*Chênh lệch giảm về đánh giá lại chứng quyền*	*01.4*	*34*	*18.010.810.714*	*33.073.068*
1.2.	Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	02	35(b)	331.985.336.263	181.719.364.918
1.3.	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	35(c)	1.423.116.839.942	1.056.131.145.711
1.4.	Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	04	35(d)	129.781.478.132	174.889.281.414
1.6.	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	36	923.466.458.403	628.154.571.742
1.7.	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07		553.222.154	200.000.000
1.9.	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09		41.902.196.441	28.817.061.958
1.10.	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	37	9.946.288.303	25.597.143.800
1.11.	Thu nhập hoạt động khác	11	38	59.707.184.828	41.625.341.201
	Cộng doanh thu hoạt động	**20**		**3.639.425.145.457**	**3.120.367.476.027**
II.	**CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**				
2.1.	Lỗ các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)	21		378.129.893.259	797.146.221.181
a.	*Lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*21.1*	*33*	*341.533.024.100*	*794.146.495.404*
b.	*Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*	*21.2*	*34*	*27.776.023.059*	*(35.991.852)*
c.	*Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*	*21.3*		*5.365.687.955*	*2.789.095.217*
d.	*Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền*	*21.4*		*3.455.158.145*	*246.622.412*
2.4.	(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay	24	39	(105.482.481.734)	43.620.280.002
2.6	Chi phí hoạt động tự doanh	26	40	30.544.610.281	15.632.447.259
2.7.	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	41	766.107.385.017	517.456.606.990
2.8	Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán	28		1.499.988	1.499.988

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
2.10.	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		34.463.147.360	23.368.751.698
2.11.	Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		4.362.996.412	12.359.879.599
2.12.	Chi phí hoạt động khác	32	42	775.900.012	211.599.987
	Cộng chi phí hoạt động	**40**		**1.108.902.950.595**	**1.409.797.286.704**
III	**DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
3.1	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		77.617	102.414
3.2.	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		6.699.817.603	6.138.723.594
	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	**50**		**6.699.895.220**	**6.138.826.008**
IV.	**CHI PHÍ TÀI CHÍNH**				
4.1	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		-	10.553
4.2	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	52	43	844.353.981.743	541.247.874.447
	Cộng chi phí tài chính	**60**		**844.353.981.743**	**541.247.885.000**
V.	**CHI PHÍ BÁN HÀNG**	**61**		**15.851.036.082**	**9.975.188.204**
VI.	**CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**62**	**44**	**280.734.157.638**	**239.698.440.510**
VII.	**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20 - 40 + 50 - 60 - 61 - 62)**	**70**		**1.396.282.914.619**	**925.787.501.617**
VIII.	**THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**				
8.1.	Thu nhập khác	71	45	18.882.265.436	4.860.628.403
8.2.	Chi phí khác	72		158.848.347	4.079.085
	Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71 - 72)	**80**		**18.723.417.089**	**4.856.549.318**
IX.	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (mang sang trang sau)**	**90**		**1.415.006.331.708**	**930.644.050.935**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
IX.	**TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80) (mang sang từ trang trước)**	**90**		**1.415.006.331.708**	**930.644.050.935**
9.1.	Lợi nhuận đã thực hiện	91		1.433.190.145.331	921.006.077.399
9.2.	(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	92		(18.183.813.623)	9.637.973.536
X.	**CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")**	**100**		**284.133.334.649**	**187.090.868.370**
10.1.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	46	275.779.864.165	188.516.830.206
10.2.	Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	100.2	46	8.353.470.484	(1.425.961.836)
XI.	**LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)**	**200**		**1.130.872.997.059**	**743.553.182.565**
XIII.	**THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**	**500**	**47**	**1.063.020.617.235**	**698.939.991.611**
					(Điều chỉnh lại)
13.1.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	501	47	1.633	1.170

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:		Người duyệt:
Tạ Duy Chung	Nguyễn Văn Học	Phạm Thị Kim Ngân	Phan Phương Anh
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Phó Tổng Giám đốc*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**				
1.	**Lợi nhuận trước thuế TNDN**	**01**		**1.415.006.331.708**	**930.644.050.935**
2.	**Điều chỉnh cho các khoản:**	**02**		**713.198.834.655**	**467.806.712.026**
	- Khấu hao tài sản cố định	03		53.645.235.277	60.909.312.223
	- Các khoản dự phòng	04		(104.706.581.722)	43.908.765.761
	- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		(77.617)	(91.861)
	- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	06		844.353.981.743	541.247.874.447
	- Lãi từ hoạt động đầu tư	07		(7.004.894.228)	(6.525.541.776)
	- Dự thu tiền lãi	08		(73.088.443.717)	(171.733.606.768)
	- Các khoản điều chỉnh khác	09		(385.081)	-
3.	**Tăng các chi phí phi tiền tệ**	**10**		**31.231.181.204**	**210.630.560**
	- Chênh lệch tăng đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)	11		31.231.181.204	210.630.560
4.	**Giảm các doanh thu phi tiền tệ**	**18**		**(13.047.367.581)**	**(9.848.604.096)**
	- Chênh lệch tăng đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)	19		(13.047.367.581)	(9.848.604.096)
5.	**Thay đổi vốn lưu động**	**30**		**(6.641.861.075.035)**	**(5.466.242.609.056)**
	- Tăng tài sản tài chính FVTPL	31		(1.163.404.290.082)	(841.039.767.696)
	- Tăng các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	32		(1.719.959.928.706)	(2.344.568.960.902)
	- Tăng các khoản cho vay	33		(4.746.855.748.137)	(1.075.246.035.008)
	- Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	34		(386.368.209.323)	(1.444.811.830.138)
	- Giảm phải thu bán các tài sản tài chính	35		2.190.015.500.000	680.980.900.000
	- Giảm các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	36		129.524.769.648	178.182.935.103
	- (Tăng)/giảm các khoản phải thu về các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	37		(1.161.422.630)	332.439.783
	- Tăng các khoản phải thu khác	39		(3.382.166.620)	(2.149.821.068)
	- Giảm các tài sản khác	40		1.655.204.226	2.263.653.828
	- Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41		73.992.302.114	33.650.356.687
	- Giảm chi phí trả trước	42		4.099.990.426	16.709.782.051
	- Thuế TNDN đã nộp	43		(218.981.446.448)	(151.903.676.615)
	- Lãi vay đã trả	44		(781.357.606.764)	(494.937.451.882)
	- Giảm phải trả cho người bán	45		(1.847.821.744)	(4.756.830.945)
	- Giảm các khoản trích lập phúc lợi nhân viên	46		(41.968.709)	(103.355.800)
	- Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	47		7.778.490.460	6.984.473.980
	- Tăng/(giảm) phải trả người lao động	48		1.891.851.415	(3.201.721.034)
	- Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác	50		22.237.848.558	(22.627.699.400)
	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	52		(49.696.422.719)	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***60***		***(4.495.472.095.049)***	***(4.077.429.819.631)***

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

		Mã số	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
II.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ**				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	61		(15.023.026.510)	(9.801.226.425)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	62		305.076.625	386.818.182
5.	Tiền thu về cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn	65		6.699.817.603	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***70***		***(8.018.132.282)***	***(9.414.408.243)***
III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	71		687.339.530.000	1.686.988.200.000
3.	Tiền vay gốc	73		54.639.373.227.681	38.636.046.556.035
3.2.	*Tiền vay khác*	*73.2*		*54.639.373.227.681*	*38.636.046.556.035*
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	74		(49.479.027.490.816)	(34.509.687.440.008)
4.3.	*Tiền chi trả gốc vay khác*	*74.3*		*(49.479.027.490.816)*	*(34.509.687.440.008)*
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	76		(686.472.757.967)	(524.208.536.493)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***80***		***5.161.212.508.898***	***5.289.138.779.534***
IV.	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm (90 = 60 + 70 + 80)**	**90**		**657.722.281.567**	**1.202.294.551.660**
V.					
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**101**		**1.773.543.835.124**	**571.249.283.464**
	Tiền	101.1		1.749.543.835.124	441.249.283.464
	Các khoản tương đương tiền	101.2		24.000.000.000	130.000.000.000
VI.					
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (103 = 90 + 101)	**103**	**6**	**2.431.266.116.691**	**1.773.543.835.124**
	Tiền	103.1		2.431.266.116.691	1.749.543.835.124
	Các khoản tương đương tiền	103.2		-	24.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

		Mã số	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I.	**Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng**			
1.	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	372.162.789.883.927	243.148.294.750.444
2.	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(382.148.827.732.299)	(247.997.854.109.762)
7.	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	11.188.766.988.121	3.995.867.134.532
11.	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	09	(21.514.744.740)	(16.473.190.813)
14.	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14	2.192.598.756.070	2.576.995.057.278
15.	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15	(2.099.967.191.070)	(2.580.405.881.278)
	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm	***20***	***1.273.845.960.009***	***(873.576.239.599)***
II.	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**	**30**	**3.358.932.288.854**	**4.232.508.528.453**
	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	3.358.932.288.854	4.232.508.528.453
	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	32	2.910.908.869.249	3.897.146.498.014
	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	32.1	270.501.223.230	133.652.638.234
	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33	171.589.439.729	192.365.811.559
	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	35	5.932.756.646	9.343.580.646
III.	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)**	**40**	**4.632.778.248.863**	**3.358.932.288.854**
	Tiền gửi ngân hàng cuối năm	41	4.632.778.248.863	3.358.932.288.854
	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	42	4.249.811.256.637	2.910.908.869.249
	- Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	42.1	182.797.580.852	270.501.223.230
	- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	101.605.089.728	171.589.439.729
	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	45	98.564.321.646	5.932.756.646

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:		Người duyệt:
Tạ Duy Chung	Nguyễn Văn Học	Phạm Thị Kim Ngân	Phan Phương Anh
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Phó Tổng Giám đốc*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
	1/1/2024	1/1/2025	Năm 2024		Năm 2025		31/12/2024	31/12/2025
			Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.375.946.418.400	6.062.944.519.673	1.686.998.101.273	-	859.138.060.000	171.798.530.000	6.062.944.519.673	*6.750.284.049.673*
1.1. Cổ phiếu phổ thông	*4.376.699.930.000*	*5.728.129.810.000*	*1.351.429.880.000*	-	*859.138.060.000*	-	*5.728.129.810.000*	*6.587.267.870.000*
1.2. Cổ phiếu quỹ	*(753.511.600)*	*(743.610.327)*	*9.901.273*	-	-	-	*(743.610.327)*	*(743.610.327)*
1.3. Thặng dư vốn cổ phần	-	*335.558.320.000*	*335.558.320.000*	-	-	*171.798.530.000*	*335.558.320.000*	*163.759.790.000*
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	24.516.764.528	24.516.764.528	-	-	-	-	24.516.764.528	24.516.764.528
7. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.625.982.305	1.625.982.305	-	-	-	-	1.625.982.305	1.625.982.305
8. Lợi nhuận chưa phân phối	636.107.333.361	819.451.590.106	743.553.182.565	560.208.925.820	1.157.410.281.166	758.490.003.061	819.451.590.106	1.218.371.868.211
8.1. Lợi nhuận đã thực hiện	*618.419.678.969*	*789.317.719.875*	*731.106.966.726*	*560.208.925.820*	*1.157.410.281.166*	*731.952.718.954*	*789.317.719.875*	*1.214.775.282.087*
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*17.687.654.392*	*30.133.870.231*	*12.446.215.839*	-	-	*26.537.284.107*	*30.133.870.231*	*3.596.586.124*
TỔNG CỘNG	**5.038.196.498.594**	**6.908.538.856.612**	**2.430.551.283.838**	**560.208.925.820**	**2.016.548.341.166**	**930.288.533.061**	**6.908.538.856.612**	**7.994.798.664.717**

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:		Người duyệt:
Tạ Duy Chung	Nguyễn Văn Học	Phạm Thị Kim Ngân	Phan Phương Anh
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Phó Tổng Giám đốc*	*Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GP-UBCK lần đầu vào ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán mới nhất số 127/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 27 tháng 11 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0106393583 đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 5 tháng 12 năm 2025 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 9 tháng 12 năm 2013 và được sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 28 tháng 4 năm 2025. Cổ phiếu của Công ty (Mã cổ phiếu: MBS) được chính thức đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 16 tháng 3 năm 2016.

(b) Quy mô vốn

Tại **Error! Reference source not found.**, vốn điều lệ của Công ty là 6.587.267.870.000 VND (31/12/2024: 5.728.129.810.000 VND).

(c) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán, cho vay và cung cấp dịch vụ;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán; và
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

(d) Số lượng nhân viên

Tại **Error! Reference source not found.**, Công ty có 621 nhân viên (31/12/2024: 636 nhân viên).

(e) Mạng lưới hoạt động

Công ty có trụ sở chính tại Khu vực 1 – Tầng 7 và 8, Tòa nhà MB, Số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Hà Nội, Việt Nam. Tại **Error! Reference source not found.**, Công ty có một (1) trụ sở chính và sáu (6) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng (31/12/2024: Công ty có một (1) trụ sở chính và sáu (6) chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng).

(f) Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính. Công ty hoạt động với mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, đem lại những lợi ích cốt lõi cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

(g) Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28 của Thông tư số 121/2020/TT-BTC ("Thông tư 121") do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán. Theo đó:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Thông tư 121 và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá 50% giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá 70% vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên 50% vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ 5% trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá 20% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá 15% tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá 10% tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá 15% vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; và
- Đầu tư quá 70% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá 20% vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại điểm c, d và đ Khoản 4 Điều 28 của Thông tư 121. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt 180%; và

- Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 26 của Thông tư 121 và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều 28 và Điểm e Khoản 4 Điều 28 của Thông tư 121.

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều 28 của Thông tư 121 tối đa trong thời hạn 1 năm.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 210") do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 ("Thông tư 334") do Bộ Tài chính ban hành về sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) (Thuyết minh 3(b)) và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (Thuyết minh 3(e)). Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(e) Tài sản và nợ phải trả tài chính

(i) Ghi nhận

Các tài sản và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trong báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty trở thành một bên tham gia các điều khoản hợp đồng của tài sản và nợ phải trả tài chính này.

(ii) Phân loại và đo lường

- Các tài sản tài chính được ghi nhận thông qua lãi/(lỗ): Xem Thuyết minh 3(b);
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Xem Thuyết minh 3(c);
- Các khoản cho vay: Xem Thuyết minh 3(d);
- Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán: Xem Thuyết minh 3(e).

(iii) Chấm dứt ghi nhận

Công ty chấm dứt ghi nhận một tài sản tài chính khi quyền lợi theo hợp đồng của Công ty đối với các dòng tiền phát sinh từ tài sản tài chính này chấm dứt, hay khi Công ty chuyển giao toàn bộ tài sản tài chính này bằng một giao dịch mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản tài chính này được chuyển giao hoặc một giao dịch mà trong đó Công ty không chuyển giao toàn bộ và cũng không giữ lại phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu tài sản và cũng không nắm quyền kiểm soát tài sản.

Công ty chấm dứt ghi nhận nợ phải trả tài chính khi các nghĩa vụ theo hợp đồng đã được dỡ bỏ, hủy bỏ hoặc chấm dứt.

(iv) Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và số dư thuần được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để cấn trừ các khoản mục với số tiền được ghi nhận và Công ty có ý định thực hiện các giao dịch trên cơ sở thuần hoặc thực hiện đồng thời việc bán tài sản và thanh toán nợ.

(v) Xác định và đánh giá suy giảm giá trị

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Công ty đánh giá xem có bằng chứng khách quan nào cho thấy từng tài sản tài chính hoặc từng nhóm các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị. Một tài sản tài chính hoặc một nhóm tài sản tài chính được xem là giảm giá trị nếu, và chỉ nếu, có bằng chứng khách quan về sự suy giảm, là hệ quả của một hoặc nhiều sự kiện đã xảy ra sau ghi nhận ban đầu của tài sản (một "sự kiện tổn thất" đã xảy ra) và ảnh hưởng của sự kiện tổn thất lên luồng tiền tương lai dự kiến của tài sản tài chính hoặc nhóm các tài sản tài chính có thể ước tính một cách đáng tin cậy.

Một số bằng chứng khách quan cho thấy các tài sản tài chính bị suy giảm giá trị bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Bên cho vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay mà bên cho vay không thể xem xét hơn được;
- Bên đi vay có khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm về dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các tài sản tài chính kể từ khi ghi nhận ban đầu.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay".*

Trong trường hợp nếu tài sản tài chính được đánh giá khôi phục mức suy giảm giá trị trước đó, Công ty sẽ hoàn nhập khoản dự phòng suy giảm giá trị đã được trích lập trước đó.

(a) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của Công ty, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại mục *"Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính"*.

(b) Các tài sản tài chính được ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) ("FVTPL")

Tài sản tài chính FVTPL là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm FVTPL. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm FVTPL, nếu:
  - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính FVTPL.

Các chứng khoán cơ sở là tài sản bảo đảm cho các chứng quyền mua có bảo đảm, được phân loại và ghi nhận ban đầu là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ).

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua thực tế các tài sản tài chính (đối với chứng khoán chưa niêm yết) hoặc giá khớp lệnh tại các Sở giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết), không bao gồm các chi phí giao dịch phát sinh liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính FVTPL được phản ánh theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Mọi khoản chênh lệch tăng/giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) được hạch toán vào lãi/(lỗ) của báo cáo kết quả hoạt động.

(c) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm tài sản tài chính FVTPL;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua các khoản đầu tư đó như chi phí môi giới, chi phí giao dịch, chi phí thông tin, lệ phí, phí ngân hàng.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được hạch toán theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực tế, trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính.

Các tài sản tài chính sẽ không được tiếp tục phân loại là khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu trong năm hiện tại hoặc trong hai năm tài chính gần nhất đã được bán hoặc phân loại lại một số lượng đáng kể các tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn trước thời hạn, trừ khi việc bán hoặc phân loại lại thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Rất gần ngày đáo hạn mà việc thay đổi lãi suất thị trường không ảnh hưởng trọng yếu đến giá trị của tài sản tài chính;
- Được thực hiện sau khi Công ty đã thu được phần lớn tiền gốc của các tài sản tài chính này theo tiến độ thanh toán hoặc được thanh toán trước; hoặc
- Do liên quan đến một sự kiện đặc biệt nào ngoài khả năng kiểm soát của Công ty và sự kiện này Công ty không thể dự đoán trước được.

(d) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ);
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay của Công ty bao gồm các khoản cho vay ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ của khách hàng và hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng suy giảm giá trị của khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay".*

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục *"Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính".*

(e) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo giá gốc là giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý. Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán so với năm trước được thể hiện trên khoản mục *"Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính sẵn sàng để bán"* thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động và *"Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý"* trên báo cáo tình hình tài chính.

Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các chứng khoán vốn của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các chứng khoán vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCoM") hoặc không thể xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy, thì các tài sản tài chính này sẽ được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính sẵn sàng để bán bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay"*. Các khoản dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính sẵn sàng để bán phát sinh trước ngày có hiệu lực của Thông tư 210 sẽ ghi giảm dần vào báo cáo kết quả hoạt động khi các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được thanh lý.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu và dự thu cổ tức tiền lãi các khoản đầu tư, khoản phải thu khoản đầu tư đến hạn, các khoản cam kết mua và bán lại chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết,... Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật

truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí hoạt động khác"* trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được tính toán theo các tỷ lệ dự phòng dưới đây:

Thời gian quá hạn	*Mức trích dự phòng*
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Trên ba (3) năm	100%

Dự phòng đối với các khoản phải thu chưa đến hạn được xác định bởi Công ty sau khi xem xét đến khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Máy móc thiết bị	3 - 6 năm
• Phương tiện vận chuyển	6 năm
• Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định vô hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Phần mềm máy vi tính	2 - 5 năm

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

(j) Chứng* quyền *mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản bảo đảm do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại một thời điểm hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Chứng quyền mua có bảo đảm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý là giá thị trường trên khoản mục "*Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán*".

Các khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền*". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chênh lệch giảm về đánh giá lại chứng quyền*".

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Các quỹ dự trữ pháp định

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ dự trữ pháp định theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ("Thông tư 146") ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ như sau:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	**Số dư tối đa**
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính:	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Với hiệu lực của Thông tư số 114/2021/TT-BTC ("Thông tư 114") ngày 17 tháng 12 năm 2021 do Bộ Tài chính ban hành thay thế Thông tư 146, các quy định về trích lập các quỹ trên bị bãi bỏ. Theo đó:

- Số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ đã trích lập theo quy định tại Thông tư 146 được dùng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.
- Số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ có thể dùng bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và các quy định khác.

Đến **Error! Reference source not found.**, Công ty đã sử dụng hết quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Công ty chưa tiến hành xử lý số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ.

(m) Vốn cổ phần

(i) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành

do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỷ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Mức trích lập hàng năm do Đại hội đồng Cổ đông của Công ty quyết định và được ghi nhận trên khoản mục Nợ phải trả của Công ty.

(o) Doanh thu và thu nhập

(i) Lãi/(lỗ) từ bán các tài sản tài chính

Lãi/(lỗ) từ bán các TSTC được ghi nhận khi Công ty nhận được Thông báo khớp lệnh của các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") (đối với chứng khoán niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

(ii) Cổ tức và thu nhập tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch từ ngày không hưởng quyền.

Đối với cổ phiếu thưởng, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

Thu nhập tiền lãi bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) và từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, lãi cho vay hoạt động margin được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập tiền lãi hoạt động cho vay ứng trước tiền bán của khách hàng được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Lãi/(lỗ) từ kinh doanh chứng quyền có bảo đảm

Lãi/lỗ từ mua bán chứng quyền mua có bảo đảm trong năm được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn bình quân của chứng quyền.

Lãi/lỗ phát sinh khi chứng quyền có bảo đảm đáo hạn ở trạng thái có lãi được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của chứng quyền và mức chênh giữa giá thanh toán và giá thực hiện của chứng quyền tại thời điểm đáo hạn.

Lãi phát sinh khi chứng quyền mua có bảo đảm đáo hạn ở trạng thái lỗ hoặc hòa vốn bằng giá trị ghi sổ của các chứng quyền tương ứng.

(iv) Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ môi giới chứng khoán được ghi nhận khi giao dịch chứng khoán đã hoàn thành.

(v) Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán

Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán là các khoản phí, hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận tại hợp đồng, thường được tính trên giá trị chứng khoán đã phát hành thành công. Các khoản doanh thu này được ghi nhận căn cứ theo thỏa thuận/biên bản thanh lý với Tổ chức phát hành chứng khoán.

(vi) Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán

Doanh thu từ dịch vụ lưu ký chứng khoán được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp.

(vii) Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính được ghi nhận theo tiến độ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tiến độ hoàn thành được đánh giá trên cơ sở xem xét các công việc đã được thực hiện.

(viii) Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định, nhượng bán tài sản cố định, thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và Thu nhập khác.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí lãi vay

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(r) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu ("EPS") cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi trích lập trong năm) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Trong năm, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm và do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Số dư bằng không

Các khoản mục hay các số dư quy định trong Thông tư 210 và Thông tư 334 mà không được thể hiện trên báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Quản lý rủi ro tài chính

(a) Tổng quan

Công ty nhận định nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Các loại rủi ro chính mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tín dụng;
- Rủi ro thanh khoản; và
- Rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý những rủi ro này như sau.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu của khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác.

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	2.431.266.116.691	1.773.543.835.124
Các tài sản tài chính được ghi nhận thông qua lãi/(lỗ)	(ii)	2.911.761.716.342	1.746.355.135.567
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	6.714.472.421.784	4.994.512.493.078
Các khoản cho vay	(iii)	15.040.584.813.320	10.293.729.065.183
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(ii)	3.045.306.071.041	2.588.404.505.218
Các khoản phải thu	(iii)	174.798.590.958	231.234.916.889
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	(iii)	9.014.015.780	7.852.593.150
Các khoản phải thu khác	(iii)	7.920.148.920	4.537.982.300
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(iii)	15.090.000.000	15.090.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	(iii)	2.494.566.867	2.514.566.867
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	(iv)	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền nộp Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh	(iv)	10.191.230.244	10.170.880.596
		30.382.899.691.947	**21.687.945.973.972**

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tiền và các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty được gửi tại các tổ chức tín dụng có uy tín. Công ty không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các TSTC ghi nhận thông qua lãi/(lỗ) và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Công ty giới hạn mức rủi ro tín dụng bằng cách chỉ đầu tư vào các loại chứng khoán có tính thanh khoản cao, ngoại trừ trường hợp đầu tư phục vụ mục đích chiến lược dài hạn, các đối tác có xếp hạng tín nhiệm tương đương hoặc cao hơn so với Công ty.

(iii) Các khoản cho vay và các khoản phải thu, các khoản cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn và dài hạn

Theo quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành, Công ty có thể cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán theo hợp đồng ký quỹ. Công ty tuân thủ theo quy định về hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ tại Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25 tháng 1 năm 2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu của khách hàng chưa thu được và yêu cầu khách hàng thanh toán đầy đủ các khoản phải thu này theo đúng điều khoản trong hợp đồng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

(iv) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh

Theo Quyết định số 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (nay là Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam - VSDC) về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ hỗ trợ thanh toán ("Quyết định 45"), Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của VSDC về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ bù trừ ("Quyết định 97"), Quyết định số 145/QĐ-VSD ngày 4 tháng 8 năm 2017 của VSDC về sửa đổi quyết định 97 ("Quyết định 145"), và Quyết định số 115/QĐ-VSD ngày 9 tháng 9 năm 2022 của VSDC về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ bù trừ cho thị trường chứng khoán phái sinh tại VSDC ("Quyết định 115") thay thế Quyết định 97 và Quyết định 145, Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại VSDC và hàng tháng VSDC sẽ thực hiện đánh giá lại quy mô Quỹ bù trừ và xác định nghĩa vụ đóng góp Quỹ bù trừ của từng thành viên bù trừ căn cứ vào quy mô giao dịch, mức biến động giá trên thị trường, nghĩa vụ tài chính, mức độ rủi ro và các tiêu chí khác. Khoản đóng góp của từng thành viên bù trừ do định kỳ đánh giá lại đảm bảo không thấp hơn mức đóng góp tối thiểu ban đầu.

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

***Tại** Error! Reference source not found.*

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay ngắn hạn (*)	17.730.048.954.174	18.041.627.319.440	18.041.627.319.440	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	43.904.051.447	43.904.051.447	43.904.051.447	-
Phải trả người bán ngắn hạn	12.460.795.794	12.460.795.794	12.460.795.794	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	292.859.664.996	292.859.664.996	292.859.664.996	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	9.649.593.267	9.649.593.267	9.649.593.267	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)	1.561.581.556.689	1.779.392.010.694	110.211.300.000	1.669.180.710.694
	19.650.504.616.367	**20.179.893.435.638**	**18.510.712.724.944**	**1.669.180.710.694**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	Trong vòng 2-5 năm VND
Vay ngắn hạn (*)	13.069.703.217.309	13.434.655.350.989	13.434.655.350.989	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	21.551.998.147	21.551.998.147	21.551.998.147	-
Phải trả người bán ngắn hạn	11.493.708.210	11.493.708.210	11.493.708.210	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	165.344.593.730	165.344.593.730	165.344.593.730	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	14.530.406.797	14.530.406.797	14.530.406.797	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)	1.061.355.556.681	1.286.539.909.563	74.516.400.000	1.212.023.509.563
	14.343.979.480.874	**14.934.115.967.436**	**13.722.092.457.873**	**1.212.023.509.563**

(*) Dòng tiền theo hợp đồng của các khoản vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành dài hạn không bao gồm dòng tiền từ dự thu lãi phải trả đến ngày kết thúc kỳ báo cáo năm liên quan tới các hợp đồng vay và phát hành trái phiếu, do khoản này đã bao gồm ở dòng tiền theo hợp đồng từ Chi phí phải trả ngắn hạn. Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư ngắn hạn và duy trì một số hạn mức tín dụng vay ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tỷ giá hối đoái, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại **Error! Reference source not found.** và 31 tháng 12 năm 2024, rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty là không trọng yếu do số dư công cụ tài chính bằng ngoại tệ là không trọng yếu.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu của khách hàng, các khoản phải thu khác, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả khác và các khoản vay và nợ ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2025 VND	**31/12/2024 VND**
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.431.266.116.691	1.773.543.835.124
Các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)	2.911.761.716.342	1.746.355.135.567
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.714.472.421.784	4.994.512.493.078
Các khoản cho vay	15.040.584.813.320	10.293.729.065.183
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.067.039.050.200	1.454.187.945.427
Tài sản tài chính dài hạn		
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	20.000.000.000	20.000.000.000
	28.185.124.118.337	**20.282.328.474.379**
Nợ phải trả tài chính		
Vay ngắn hạn	17.730.048.954.174	13.069.703.217.309
	10.455.075.164.163	**7.212.625.257.070**
Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi		
Tài sản tài chính ngắn hạn		
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.978.267.020.841	1.134.216.559.791
Nợ phải trả tài chính		
Trái phiếu phát hành dài hạn	1.561.581.556.689	1.061.355.556.681
	416.685.464.152	**72.861.003.110**

Tại **Error! Reference source not found.**, mỗi thay đổi 1% lãi suất sẽ làm tăng 3.333.483.713 VND lợi nhuận sau thuế của Công ty (31/12/2024: 582.888.025 VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(iii) Rủi ro về giá cổ phiếu

Rủi ro giá cổ phiếu phát sinh từ cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ. Ban Tổng Giám đốc Công ty theo dõi các chứng khoán niêm yết trong danh mục đầu tư dựa trên các chỉ số thị trường. Các khoản đầu tư trọng yếu trong danh mục đầu tư được quản lý riêng rẽ và được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Tại **Error! Reference source not found.**, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết là 148.091.735.391 VND (31/12/2024: 167.680.023.276 VND). Nếu giá thị trường của các chứng khoán này tăng hoặc giảm 4% tại **Error! Reference source not found.** với tất cả các biến số khác không thay đổi có thể làm tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty tương ứng 4.738.935.533 VND (31/12/2024: giá trị thị trường của các chứng khoán tăng hoặc giảm 3%, tương ứng 4.024.320.559 VND).

5. Báo cáo bộ phận

(a) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các bộ phận kinh doanh chính: Môi giới và dịch vụ khách hàng, tự doanh, ngân hàng đầu tư và các bộ phận khác.

Cho năm kết thúc *Error! Reference source not found.*

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh	2.388.485.494.786	1.180.732.955.386	10.499.510.457	78.589.450.264	3.658.307.410.893
Doanh thu hoạt động tài chính	4.374.318.709	2.162.417.259	19.229.007	143.930.245	6.699.895.220
Các chi phí trực tiếp	(800.570.532.377)	(303.192.021.806)	(4.364.496.400)	(934.748.359)	(1.109.061.798.942)
Chi phí tài chính	(551.273.310.672)	(272.518.533.923)	(2.423.334.746)	(18.138.802.402)	(844.353.981.743)
Chi phí bán hàng	(10.349.040.009)	(5.115.983.589)	(45.493.202)	(340.519.282)	(15.851.036.082)
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	(183.289.534.776)	(90.608.042.025)	(805.719.939)	(6.030.860.898)	(280.734.157.638)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**847.377.395.661**	**511.460.791.302**	**2.879.695.177**	**53.288.449.568**	**1.415.006.331.708**

Tại *Error! Reference source not found.*

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	15.040.584.813.320	13.059.061.336.550	1.228.245.940	25.504.715.787	28.126.379.111.597
Tài sản phân bổ	1.730.135.965.661	855.281.958.552	7.605.480.838	56.927.469.194	2.649.950.874.245
Tổng tài sản	**16.770.720.778.981**	**13.914.343.295.102**	**8.833.726.778**	**82.432.184.981**	**30.776.329.985.842**
Nợ phải trả bộ phận	43.904.051.447	2.873.167.402.000	-	-	2.917.071.453.447
Nợ phải trả phân bổ	12.969.378.711.705	6.411.331.736.877	57.011.913.073	426.737.506.023	19.864.459.867.678
Tổng nợ phải trả	**13.013.282.763.152**	**9.284.499.138.877**	**57.011.913.073**	**426.737.506.023**	**22.781.531.321.125**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh	1.713.102.779.411	1.339.842.211.615	25.797.143.800	46.485.969.604	3.125.228.104.430
Doanh thu hoạt động tài chinh	3.365.015.143	2.631.826.523	50.672.838	91.311.504	6.138.826.008
Các chi phí trực tiếp	(540.825.358.688)	(856.398.948.442)	(12.361.379.587)	(215.679.072)	(1.409.801.365.789)
Chi phí tài chính	(296.686.585.798)	(232.042.826.648)	(4.467.721.732)	(8.050.750.822)	(541.247.885.000)
Chi phí bán hàng	(5.467.928.121)	(4.276.544.872)	(82.340.026)	(148.375.185)	(9.975.188.204)
Chi phí quản lý công ty chứng khoán	(131.391.389.984)	(102.763.087.340)	(1.978.586.820)	(3.565.376.366)	(239.698.440.510)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**742.096.531.963**	**146.992.630.836**	**6.957.788.473**	**34.597.099.663**	**930.644.050.935**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Môi giới và dịch vụ khách hàng VND	Tự doanh VND	Ngân hàng đầu tư VND	Các bộ phận khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	10.293.729.065.183	9.796.247.937.199	1.617.004.951	22.142.549.167	20.113.736.556.500
Tài sản phân bổ	1.104.082.764.632	863.518.938.238	16.626.078.825	33.916.312.860	2.018.144.094.555
Tổng tài sản	**11.397.811.829.815**	**10.659.766.875.437**	**18.243.083.776**	**56.058.862.027**	**22.131.880.651.055**
Nợ phải trả bộ phận	21.551.998.147	683.151.902.000	-	-	704.703.900.147
Nợ phải trả phân bổ	7.942.831.192.415	6.212.201.999.339	119.608.911.335	243.995.791.207	14.518.637.894.296
Tổng nợ phải trả	**7.964.383.190.562**	**6.895.353.901.339**	**119.608.911.335**	**243.995.791.207**	**15.223.341.794.443**

(b) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tất cả hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam (là một bộ phận đơn lẻ).

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	2.431.266.116.691	1.749.543.835.124
Các khoản tương đương tiền	-	24.000.000.000
	2.431.266.116.691	**1.773.543.835.124**

7. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Năm 2025		Năm 2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND	Khối lượng giao dịch thực hiện Đơn vị	Giá trị giao dịch thực hiện VND
Của Công ty	994.668.310	95.553.934.774.864	497.285.911	46.723.622.437.449
Cổ phiếu	*108.903.843*	*2.725.418.375.200*	*83.915.186*	*2.100.748.830.320*
Trái phiếu	*766.731.667*	*92.665.119.772.664*	*400.065.625*	*44.507.454.369.129*
Chứng khoán khác	*119.032.800*	*163.396.627.000*	*13.305.100*	*115.419.238.000*
Của Nhà đầu tư	33.251.817.096	787.879.406.521.975	22.657.173.919	513.874.330.366.107
Cổ phiếu	*31.843.189.664*	*767.602.949.014.654*	*21.511.871.987*	*500.224.345.514.208*
Trái phiếu	*135.358.320*	*18.262.454.172.761*	*45.873.955*	*12.649.189.577.509*
Chứng khoán khác	*1.273.269.112*	*2.014.003.334.560*	*1.099.427.977*	*1.000.795.274.390*
		883.433.341.296.839		**560.597.952.803.556**

8. Các loại tài sản tài chính

(a) Các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ) (FVTPL)

	31/12/2025			31/12/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu	170.420.917.644	148.091.735.391	148.091.735.391	157.455.739.208	167.680.023.276	167.680.023.276
Trái phiếu	1.029.212.500.000	1.029.212.500.000	1.029.212.500.000	999.786.000.000	999.786.000.000	999.786.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	1.882.549.216.342	1.882.549.216.342	1.882.549.216.342	746.569.135.567	746.569.135.567	746.569.135.567
Chứng chỉ quỹ	35.164.108.659	44.629.691.000	44.629.691.000	50.131.577.788	59.783.160.000	59.783.160.000
	3.117.346.742.645	**3.104.483.142.733**	**3.104.483.142.733**	**1.953.942.452.563**	**1.973.818.318.843**	**1.973.818.318.843**

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Ngắn hạn		
• Tiền gửi có kỳ hạn	6.614.472.421.784	4.344.521.451.918
• Chứng chỉ tiền gửi	100.000.000.000	649.991.041.160
	6.714.472.421.784	**4.994.512.493.078**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 6.586.472.421.784 VND (31/12/2024: 4.344.521.451.918 VND) và các chứng chỉ tiền gửi với giá trị là 100.000.000.000 VND (31/12/2024: 649.991.041.160 VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

(c) Các khoản cho vay

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cho vay hoạt động ký quỹ	14.516.938.211.399	(*)	10.119.783.948.884	(*)
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán chứng khoán	523.646.601.921	(*)	173.945.116.299	(*)
	15.040.584.813.320		**10.293.729.065.183**	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(d) Các khoản đầu tư sẵn sàng để bán

Tại Error! Reference source not found.

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND		Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu	47.441.988.653	(*)		27.440.878.619	20.001.110.034
Trái phiếu	1.978.267.020.841	1.978.267.020.841	(**)	-	1.978.267.020.841
Chứng chỉ tiền gửi	1.067.039.050.200	1.067.039.050.200		-	1.067.039.050.200
	3.092.748.059.694			**27.440.878.619**	**3.065.307.181.075**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND		Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị ghi sổ VND
Cổ phiếu	117.975.345.153	(*)		82.554.833.496	35.420.511.657
Trái phiếu	1.987.835.612.518	1.987.835.612.518	(**)	15.845.872.480	1.971.989.740.038
Chứng chỉ tiền gửi	600.568.892.700	600.568.892.700		-	600.568.892.700
	2.706.379.850.371			**98.400.705.976**	**2.607.979.144.395**

(*) Tài sản tài chính này là chứng khoán vốn được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng suy giảm giá trị do không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý không thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(**) Giá trị hợp lý không bao gồm lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 9.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản trái phiếu có giá trị 230.630.767.304 VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (31/12/2024: Không có) (Thuyết minh 22).

(e) Tình hình biến động giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại/ Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính FVTPL				
Cổ phiếu	170.420.917.644	5.514.892.311	(27.844.074.564)	148.091.735.391
Trái phiếu	1.029.212.500.000	-	-	1.029.212.500.000
Chứng chỉ tiền gửi	1.882.549.216.342	-	-	1.882.549.216.342
Chứng chỉ quỹ	35.164.108.659	9.465.582.341	-	44.629.691.000
	3.117.346.742.645	**14.980.474.652**	**(27.844.074.564)**	**3.104.483.142.733**
Tài sản tài chính AFS				
Trái phiếu (*)	1.978.267.020.841	-	-	1.978.267.020.841
Chứng chỉ tiền gửi	1.067.039.050.200	-	-	1.067.039.050.200
	3.045.306.071.041	**-**	**-**	**3.045.306.071.041**
Tổng cộng	**6.162.652.813.686**	**14.980.474.652**	**(27.844.074.564)**	**6.149.789.213.774**

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 9.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Giá trị đánh giá lại/ Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính FVTPL				
Cổ phiếu	157.455.739.208	10.288.149.429	(63.865.361)	167.680.023.276
Trái phiếu	999.786.000.000	-	-	999.786.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	746.569.135.567	-	-	746.569.135.567
Chứng chỉ quỹ	50.131.577.788	9.651.582.212	-	59.783.160.000
	1.953.942.452.563	**19.939.731.641**	**(63.865.361)**	**1.973.818.318.843**
Tài sản tài chính AFS				
Trái phiếu (*)	1.987.835.612.518	-	-	1.987.835.612.518
Chứng chỉ tiền gửi	600.568.892.700	-	-	600.568.892.700
	2.588.404.505.218	**-**	**-**	**2.588.404.505.218**
Tổng cộng	**4.542.346.957.781**	**19.939.731.641**	**(63.865.361)**	**4.562.222.824.061**

(*) Giá trị hợp lý không bao gồm lãi dự thu được trình bày tại Thuyết minh 9.

(f) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2025			31/12/2024		
	Số lượng Đơn vị	Giá gốc VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Số lượng Đơn vị	Giá gốc VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Tài sản tài chính AFS						
Cổ phiếu chưa niêm yết		47.441.988.653	(27.440.878.619)		117.975.345.153	(82.554.833.496)
CTCP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	*-*	*-*	*-*	*1.710.000*	*46.768.500.000*	*(28.899.000.000)*
TCT Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	*2.500.000*	*30.000.000.000*	*(16.750.000.000)*	*2.500.000*	*30.000.000.000*	*(16.750.000.000)*
CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi	*-*	*-*	*-*	*894.705*	*26.214.856.500*	*(26.214.856.500)*
CTCP công nghiệp cao su COECCO	*492.000*	*7.380.000.000*	*(4.182.000.000)*	*492.000*	*7.380.000.000*	*(4.182.000.000)*
Công ty Cổ phần Viet Lotus	*457.300*	*4.573.000.000*	*(3.508.878.619)*	*457.300*	*4.573.000.000*	*(3.508.976.996)*
CTCP Dịch vụ Tài sản mã hoá Dolphinex	*245.000*	*2.450.000.000*	*-*	*-*	*-*	*-*
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	*301.512*	*3.038.988.653*	*(3.000.000.000)*	*301.512*	*3.038.988.653*	*(3.000.000.000)*
Trái phiếu chưa niêm yết	18.314	1.978.267.020.841	-	6.530.709	1.987.835.612.518	(15.845.872.480)
Chứng chỉ tiền gửi	1.050	1.067.039.050.200	-	600	600.568.892.700	-
		3.092.748.059.694	**(27.440.878.619)**		**2.706.379.850.371**	**(98.400.705.976)**

Biến động dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	98.400.705.976	82.554.833.496
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm *(Thuyết minh 39)*	(70.959.827.357)	15.845.872.480
Số dư cuối năm	**27.440.878.619**	**98.400.705.976**

9. Các khoản phải thu

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	29.767.353.266	29.172.766.557
- Phải thu cổ tức	*131.343.800*	*227.055.000*
- Phải thu lãi cho vay margin	*29.636.009.466*	*28.945.711.557*
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	145.031.237.692	202.062.150.332
- Dự thu lãi trái phiếu	*37.530.653.428*	*142.787.895.211*
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	*107.500.584.264*	*59.274.255.121*
	174.798.590.958	**231.234.916.889**

10. Trả trước cho người bán

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Công ty Cổ phần Ứng dụng Khoa học và Công nghệ - MITEC	-	3.587.892.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tin học và Dịch vụ Goline	1.983.680.000	1.983.680.000
Chi Nhánh - Công Ty TNHH Một Thành Viên Viễn Thông Quốc Tế FPT	2.178.708.600	200.000.000
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas	1.820.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Phát triển Công nghệ FSI	1.517.583.276	-
Công ty Cổ phần Cơ điện Nam Giang	-	803.634.308
Công ty Cổ phần Vacxin Việt Nam	845.161.000	-
Các công ty khác	2.699.512.968	1.654.530.208
	11.044.645.844	**8.229.736.516**

11. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	8.615.000.000	7.614.000.000
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	368.930.198	113.204.033
Phải thu dịch vụ khác	30.085.582	125.389.117
	9.014.015.780	**7.852.593.150**

12. Các khoản phải thu khác

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phí quản lý tài sản chứng khoán phái sinh	114.082.052	131.872.030
Treo phí giao dịch	4.428.229.399	2.810.082.529
Phải thu khác	3.377.837.469	1.596.027.741
	7.920.148.920	**4.537.982.300**

13. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Dự phòng phải thu các dịch vụ do công ty chứng khoán cung cấp	7.011.488.211	6.235.588.199
Dự phòng giảm giá các khoản cho vay	774.281.629	-
Dự phòng suy giảm giá trị phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi	-	35.296.936.006
	7.785.769.840	**41.532.524.205**

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	41.532.524.205	13.469.630.924
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính AFS trong năm (Thuyết minh 39)	(35.296.936.006)	27.774.407.522
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản cho vay trong năm (Thuyết minh 39)	774.281.629	-
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ kinh doanh chứng khoán trong năm (Thuyết minh 42)	775.900.012	211.599.987
Trích lập dự phòng phải thu khác trong năm (Thuyết minh 44)	-	95.000.000
Xử lý khoản phải thu tổn thất bằng nguồn dự phòng trong năm	-	(18.114.228)
Số dư cuối năm	**7.785.769.840**	**41.532.524.205**

14. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	20.182.800	20.182.800
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ	-	818.861.055
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	18.090.714	2.553.775
Chi phí đồng phục nhân viên chờ phân bổ	2.646.102.120	-
Chi phí trả trước khác	769.637.237	1.490.262.379
	3.454.012.871	**2.331.860.009**

15. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược

(a) Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Các khoản đặt cọc	15.090.000.000	15.090.000.000

(b) Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Đặt cọc thuê văn phòng dài hạn	2.358.116.867	2.358.116.867
Ký cược ký quỹ dài hạn khác	136.450.000	156.450.000
	2.494.566.867	**2.514.566.867**

16. Tài sản cố định hữu hình

Cho năm kết thúc *Error! Reference source not found.*

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	294.738.669.524	9.375.998.635	9.358.313.555	313.472.981.714
Mua trong năm	12.074.120.000	-	166.200.000	12.240.320.000
Thanh lý	(19.305.423.694)	-	(510.890.189)	(19.816.313.883)
Số dư cuối năm	287.507.365.830	9.375.998.635	9.013.623.366	305.896.987.831
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	174.549.038.498	3.567.092.443	8.637.244.360	186.753.375.301
Khấu hao trong năm	38.980.033.608	1.314.968.308	313.095.129	40.608.097.045
Thanh lý	(19.305.423.694)	-	(510.890.189)	(19.816.313.883)
Số dư cuối năm	194.223.648.412	4.882.060.751	8.439.449.300	207.545.158.463
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	120.189.631.026	5.808.906.192	721.069.195	126.719.606.413
Số dư cuối năm	93.283.717.418	4.493.937.884	574.174.066	98.351.829.368

Tài sản cố định hữu hình tại **Error! Reference source not found.** có các tài sản có nguyên giá 102.430.109.576 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2024: 72.289.168.312 VND).

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	294.693.828.099	5.087.478.635	9.031.487.555	308.812.794.289
Mua trong năm	44.841.425	5.435.320.000	326.826.000	5.806.987.425
Thanh lý	-	(1.146.800.000)	-	(1.146.800.000)
Số dư cuối năm	294.738.669.524	9.375.998.635	9.358.313.555	313.472.981.714
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	135.247.163.705	3.442.509.272	7.710.453.651	146.400.126.628
Khấu hao trong năm	39.301.874.793	1.271.383.171	926.790.709	41.500.048.673
Thanh lý	-	(1.146.800.000)	-	(1.146.800.000)
Số dư cuối năm	174.549.038.498	3.567.092.443	8.637.244.360	186.753.375.301
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	159.446.664.394	1.644.969.363	1.321.033.904	162.412.667.661
Số dư cuối năm	120.189.631.026	5.808.906.192	721.069.195	126.719.606.413

17. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính	
	Năm 2025	**Năm 2024**
	VND	**VND**
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	103.045.231.066	105.202.602.066
Tăng trong năm	2.782.706.510	3.994.239.000
Xóa sổ	-	(6.151.610.000)
Số dư cuối năm	105.827.937.576	103.045.231.066
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	74.086.016.380	60.828.362.830
Khấu hao trong năm	13.037.138.232	19.409.263.550
Xóa sổ	-	(6.151.610.000)
Điều chỉnh khác	(385.081)	-
Số dư cuối năm	87.122.769.531	74.086.016.380
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	28.959.214.686	44.374.239.236
Số dư cuối năm	18.705.168.045	28.959.214.686

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 41.221.071.737 VND đã được khấu hao hết tại **Error! Reference source not found.** nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2024: 37.829.839.737 VND).

18. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2025	**31/12/2024**
	VND	**VND**
Chi phí thuê nhà dài hạn	44.233.487.148	45.536.196.372
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ dài hạn	5.035.137.215	8.004.013.237
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dài hạn	1.650.296.030	2.149.989.022
Chi phí đồng phục dài hạn	-	25.435.523
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.325.861.187	3.751.290.714
	54.244.781.580	**59.466.924.868**

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp	2.418.908.706	14.409.141.914
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và AFS	5.567.977.684	12.773.072
Chênh lệch về đánh giá lại chứng quyền	-	43.991.177
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**7.986.886.390**	**14.465.906.163**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(2.995.257.702)	(3.987.946.328)
Chênh lệch về đánh giá lại chứng quyền	(2.867.139.337)	-
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**(5.862.397.039)**	**(3.987.946.328)**
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	**2.124.489.351**	**10.477.959.835**

Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm:

Năm 2025

	1/1/2025 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND	31/12/2025 VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp	72.045.709.567	(59.951.166.039)	12.094.543.528
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	63.865.361	27.776.023.059	27.839.888.420
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(19.939.731.641)	4.963.443.133	(14.976.288.508)
Chênh lệch về đánh giá lại chứng quyền	219.955.884	(14.555.652.569)	(14.335.696.685)
	52.389.799.171	**(41.767.352.416)**	**10.622.446.755**

Năm 2024

	1/1/2024 VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động trong năm VND	31/12/2024 VND
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp	55.331.646.387	16.714.063.180	72.045.709.567
Khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	(53.719.534)	53.719.534	-
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	99.857.213	(35.991.852)	63.865.361
Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(10.124.200.613)	(9.815.531.028)	(19.939.731.641)
Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền	6.406.540	213.549.344	219.955.884
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**45.259.989.993**	**7.129.809.178**	**52.389.799.171**

20. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại VSDC.

Theo Quyết định 45, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSDC và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của kỳ liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ hỗ trợ thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh và môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	20.000.000.000	20.000.000.000

21. Tài sản dài hạn khác

Theo Quyết định 97, Quyết định 145 và Quyết định 115, Công ty phải đóng góp một khoản tiền tối thiểu ban đầu là 10 tỷ VND tại VSDC và hàng tháng VSDC sẽ thực hiện đánh giá lại quy mô Quỹ bù trừ và xác định nghĩa vụ đóng góp Quỹ bù trừ của từng thành viên bù trừ căn cứ vào quy mô giao dịch, mức biến động giá trên thị trường, nghĩa vụ tài chính, mức độ rủi ro và các tiêu chí khác. Khoản đóng góp của từng thành viên bù trừ do định kỳ đánh giá lại đảm bảo không thấp hơn mức đóng góp tối thiểu ban đầu.

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh	10.191.230.244	10.170.880.596

Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Số dư đầu năm	10.170.880.596	10.150.580.580
Lãi trong năm	20.349.648	20.300.016
Số dư cuối năm	**10.191.230.244**	**10.170.880.596**

22. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2025 Giá trị ghi sổ	Biến động trong năm		31/12/2025 Giá trị ghi sổ
		Tăng	Giảm	
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn tổ chức tín dụng (*)	10.349.550.000.000	40.938.358.000.000	(37.464.408.000.000)	13.823.500.000.000
Vay ngắn hạn các đối tượng khác (**)	2.720.153.217.309	13.201.015.227.681	(12.014.619.490.816)	3.906.548.954.174
	13.069.703.217.309	**54.139.373.227.681**	**(49.479.027.490.816)**	**17.730.048.954.174**

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn từ 1 tháng đến 12 tháng với lãi suất 4,0%/năm đến 6,9%/năm (2024: 2,4%/năm đến 6,5%/năm) cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty. Tại **Error! Reference source not found.**, các khoản vay được đảm bảo bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn có giá trị 6.586.472.421.784 VND (31/12/2024: 4.344.521.451.918 VND) (Thuyết minh 8(b)), các khoản chứng chỉ tiền gửi có giá trị 100.000.000.000 VND (31/12/2024: 649.991.041.160 VND) (Thuyết minh 8(b)) và các khoản trái phiếu có giá trị 230.630.767.304 VND (31/12/2024: Không có) (Thuyết minh 8(d)).

(**) Các khoản vay ngắn hạn các đối tượng khác là các khoản vay ngắn hạn với các cá nhân, các tổ chức kinh tế thông qua hợp đồng vay tài sản có thời hạn từ 1 đến 11 tháng với lãi suất từ 3,2%/năm đến 7,3%/năm (năm 2024: 2,6%/năm đến 6,0%/năm). Tại **Error! Reference source not found.** và 31 tháng 12 năm 2024, các khoản vay này không có tài sản bảo đảm.

23. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	16.143.069.836	11.545.045.408
Phải trả VSDC	3.243.527.611	1.980.399.739
Phải trả chứng quyền	24.517.454.000	8.026.553.000
	43.904.051.447	**21.551.998.147**

24. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả hoa hồng dịch vụ phát triển kinh doanh	7.864.814.204	6.131.036.806
Phải trả nhà cung cấp khác	4.595.981.590	5.362.671.404
	12.460.795.794	**11.493.708.210**

25. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Khách hàng ứng trước tiền mua giấy tờ có giá	2.871.166.400.000	680.980.900.000
Các khoản ứng trước khác	2.001.002.000	2.171.002.000
	2.873.167.402.000	**683.151.902.000**

26. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	844.450.761	665.817.542
Thuế thu nhập doanh nghiệp	144.074.157.498	87.275.739.781
Thuế thu nhập cá nhân	39.260.221.479	31.262.078.584
Các loại thuế khác	708.589.684	1.106.875.338
	184.887.419.422	**120.310.511.245**

Cho năm kết thúc *Error! Reference source not found.*

	1/1/2025		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025	
	Phải thu VND	Phải trả VND	VND	VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	665.817.542	6.961.529.125	6.782.895.906	-	844.450.761
Thuế TNDN	-	87.275.739.781	275.779.864.165	218.981.446.448	-	144.074.157.498
Thuế thu nhập cá nhân	17.529.222	31.262.078.584	606.466.486.242	598.468.343.347	17.529.222	39.260.221.479
Các loại thuế khác	-	1.106.875.338	9.069.629.995	9.467.915.649	-	708.589.684
	17.529.222	**120.310.511.245**	**898.277.509.527**	**833.700.601.350**	**17.529.222**	**184.887.419.422**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	1/1/2024		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2024	
	Phải thu VND	Phải trả VND	VND	VND	Phải thu VND	Phải trả VND
Thuế giá trị gia tăng	-	179.119.059	4.609.215.001	4.122.516.518	-	665.817.542
Thuế TNDN	-	50.662.586.190	188.516.830.206	151.903.676.615	-	87.275.739.781
Thuế thu nhập cá nhân	17.529.222	25.681.797.442	396.381.199.258	390.800.918.116	17.529.222	31.262.078.584
Các loại thuế khác	-	189.380.983	7.317.580.675	6.400.086.320	-	1.106.875.338
	17.529.222	**76.712.883.674**	**596.824.825.140**	**553.227.197.569**	**17.529.222**	**120.310.511.245**

27. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Dự trả lãi trái phiếu phát hành	10.244.077.595	9.305.139.783
Dự trả lãi vay các tổ chức tín dụng	51.085.497.257	30.562.443.076
Dự trả lãi vay các cá nhân và tổ chức khác	68.217.283.351	36.156.506.192
Dự chi lương, thưởng	152.481.066.149	79.593.783.027
Chi phí phải trả khác	10.831.740.644	9.726.721.652
	292.859.664.996	**165.344.593.730**

28. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả cổ tức	4.305.148.190	3.438.378.157
Phải trả lãi cho vay margin	1.866.327.728	2.472.912.217
Phải trả thưởng kinh doanh Ban Điều hành	-	5.893.826.546
Các khoản phải trả khác	3.478.117.349	2.725.289.877
	9.649.593.267	**14.530.406.797**

29. Trái phiếu phát hành dài hạn

Năm phát hành	Lô	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
2023	Lô 1	7,60%	2027	156.300.000.000	156.300.000.000
2023	Lô 2	7,10%	2027	250.000.000.000	250.000.000.000
Chi phí phát hành				(190.805.550)	(311.305.554)
2024	Lô 1	6,80%	2028	355.700.000.000	355.700.000.000
2024	Lô 2	6,90%	2027	300.000.000.000	300.000.000.000
Chi phí phát hành				(227.637.761)	(333.137.765)
2025	Lô 1	7,00%	2027	500.000.000.000	-
Trái phiếu phát hành dài hạn (*)				**1.561.581.556.689**	**1.061.355.556.681**

(*) Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản bảo đảm.

30. Vốn chủ sở hữu

(a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2024	**4.376.699.930.000**	**-**	**(753.511.600)**	**24.516.764.528**	**1.625.982.305**	**636.107.333.361**	**5.038.196.498.594**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	743.553.182.565	743.553.182.565
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	9.901.273	-	-	-	9.901.273
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(525.167.942.400)	(525.167.942.400)
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	1.094.099.880.000	-	-	-	-	-	1.094.099.880.000
Phát hành cổ phiếu cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp	257.330.000.000	335.558.320.000	-	-	-	-	592.888.320.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(35.040.983.420)	(35.040.983.420)
Số dư tại ngày 31/12/2024	**5.728.129.810.000**	**335.558.320.000**	**(743.610.327)**	**24.516.764.528**	**1.625.982.305**	**819.451.590.106**	**6.908.538.856.612**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	1.130.872.997.059	1.130.872.997.059
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(687.339.528.000)	(687.339.528.000)
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (*)	687.339.530.000	-	-	-	-	-	687.339.530.000
Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (*)	171.798.530.000	(171.798.530.000)	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	-	-	-	-	(44.613.190.954)	(44.613.190.954)
Số dư tại ngày 31/12/2025	**6.587.267.870.000**	**163.759.790.000**	**(743.610.327)**	**24.516.764.528**	**1.625.982.305**	**1.218.371.868.211**	**7.994.798.664.717**

(*) Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 01 của Đại hội đồng Cổ đông ngày 15 tháng 4 năm 2025 ("Nghị quyết 01"). Tỷ lệ thực hiện quyền là 100:3. Cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tương ứng với 1 quyền, 100 quyền nhận được thêm 3 cổ phiếu mới.

(**) Theo Nghị quyết số 01 của Đại hội đồng Cổ đông ngày 15 tháng 4 năm 2025, Công ty đã thực hiện trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2024 với số tiền là 44.613.190.954 VND (2024: 35.040.983.420 VND).

(b) Cổ phiếu

	31/12/2025	31/12/2024
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**658.726.787**	**572.812.981**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**658.726.787**	**572.812.981**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	658.726.787	572.812.981
Cổ phiếu phổ thông	*658.726.787*	*572.812.981*
Số lượng cổ phiếu quỹ	**(30.041)**	**(30.041)**
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(30.041)	(30.041)
Cổ phiếu phổ thông	*(30.041)*	*(30.041)*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**658.696.746**	**572.782.940**
Cổ phiếu phổ thông	*658.696.746*	*572.782.940*

31. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

(a) Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	9.883.660.000	9.883.660.000

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Nợ khó đòi từ các hợp đồng có cam kết mua bán lại	41.263.103.188	41.316.603.188
Nợ khó đòi cho dịch vụ tài chính niêm yết	143.589.846.134	144.197.266.707
Nợ khó đòi cho dịch vụ tài chính khác	167.321.023.273	168.105.846.645
Nợ khó đòi đã xử lý khác	169.848.246.845	170.151.343.057
	522.022.219.440	**523.771.059.597**

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Ngoại tệ bằng USD		
Nguyên tệ	*88*	*88*
Giá trị quy đổi	*2.321.176*	*2.248.488*
Ngoại tệ bằng JPY		
Nguyên tệ	*780*	*780*
Giá trị quy đổi	*134.410*	*129.574*

(d) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của công ty chứng khoán

	31/12/2025 Mệnh giá VND	31/12/2024 Mệnh giá VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.995.005.220.000	2.025.228.020.000
Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	13.063.050.000	13.063.050.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	580.000.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	751.270.000.000	1.000.068.000.000
	3.339.338.270.000	**3.038.359.070.000**

(e) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán	60.545.580.000	60.545.580.000

(f) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch VSDC của nhà đầu tư

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	36.884.301.110.000	30.428.360.868.000
Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	3.287.799.480.000	737.526.900.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	20.635.836.200.000	17.289.632.620.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	3.571.263.730.000	4.040.258.200.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	703.227.820.000	575.168.430.000
	65.082.428.340.000	**53.070.947.018.000**

(g) Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	102.120.490.000	1.443.755.430.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	1.504.275.510.000	2.369.120.180.000
	1.606.396.000.000	**3.812.875.610.000**

(h) Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư trong nước	638.055.820.000	506.403.860.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư nước ngoài	203.000.000	205.000.000
	638.258.820.000	**506.608.860.000**

(i) Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư

	31/12/2025 Số lượng chứng khoán	31/12/2024 Số lượng chứng khoán
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư trong nước	855.440.000	858.240.000

(j) Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	4.249.811.256.637	2.910.908.869.249
Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	*4.096.191.819.965*	*2.749.604.003.759*
Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	*58.386.932.677*	*42.126.099.377*
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư để theo dõi tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	*95.232.503.995*	*119.178.766.113*
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC	182.797.580.852	270.501.223.230
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	101.605.089.728	171.589.439.729
	4.534.213.927.217	**3.352.999.532.208**

(k) Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	98.438.803.364	5.807.238.364
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	125.518.282	125.518.282
	98.564.321.646	**5.932.756.646**

(l) Phải trả của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý		
Của Nhà đầu tư trong nước	*4.485.760.517.620*	*3.307.745.085.493*
Của Nhà đầu tư nước ngoài	*48.453.409.597*	*45.254.446.715*
	4.534.213.927.217	**3.352.999.532.208**

(m) Phải trả của Tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần chứng khoán SSI	71.131.575.000	-
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	18.603.050.000	-
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán cổ phiếu của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	3.813.800.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	10.953.000	10.953.000
Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên	488.085	488.085
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	4.878.937.279	5.795.797.279
	98.438.803.364	**5.807.238.364**

(n) Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	125.518.282	125.518.282

32. Lãi từ bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/(lỗ)

Cho kết thúc *Error! Reference source not found.*

	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	40.557.593	1.031.927.220.600	869.499.647.047	162.427.573.553
Chứng chỉ tiền gửi	3.086.821.790	321.548.966.209.128	321.112.169.221.729	436.796.987.399
Trái phiếu niêm yết	200.600.426	22.969.586.486.010	22.945.197.443.218	24.389.042.792
Trái phiếu chưa niêm yết	34.845	4.420.378.908.010	4.368.842.004.075	51.536.903.935
Chứng quyền có bảo đảm	19.352.400	21.695.089.000	25.450.865.160	3.755.776.160
Đáo hạn chứng quyền	3.352.300	-	-	6.744.487.100
Chứng chỉ quỹ	1.280.000	20.203.707.800	16.327.842.129	3.875.865.671
Hợp đồng tương lai	7	-	-	136.170.000
		350.012.757.620.548	**349.337.487.023.358**	**689.662.806.610**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lãi bán chứng khoán trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	36.642.015	890.171.230.750	832.243.113.512	57.928.*117*.238
Chứng chỉ tiền gửi	584.184.800	69.178.095.341.109	68.279.875.985.069	898.219.356.040
Trái phiếu niêm yết	58.899.000	6.382.619.221.000	6.380.483.644.327	2.135.576.673
Trái phiếu chưa niêm yết	9.695	384.042.652.455	376.619.254.216	7.423.398.239
Chứng quyền có bảo đảm	3.281.100	2.439.900.910	1.900.369.000	539.531.910
Đáo hạn chứng quyền	4.685.600	-	-	670.544.081
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	2.070.000	30.164.970.000	26.405.182.194	3.759.787.806
		76.867.533.316.224	**75.897.527.548.318**	**970.676.311.987**

33. Lỗ từ bán các tài sản tài chính FVTPL

Cho kết thúc *Error! Reference source not found.*

	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	15.648.537	399.981.564.800	431.790.770.167	31.809.205.367
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.710.000	18.810.000.000	46.768.500.000	27.958.500.000
Chứng chỉ tiền gửi	1.351.594.924	136.246.128.799.783	136.512.654.328.715	266.525.528.932
Trái phiếu niêm yết	188.535.000	20.387.005.155.000	20.392.529.796.782	5.524.641.782
Trái phiếu chưa niêm yết	6.519.074	707.195.729.588	709.630.409.778	2.434.680.190
Chứng quyền có bảo đảm	26.403.100	41.141.599.000	35.537.204.467	5.604.394.533
Đáo hạn chứng quyền	221.800	-	-	1.481.493.296
Hợp đồng tương lai	7	-	-	194.580.000
		157.800.262.848.171	**158.128.911.009.909**	**341.533.024.100**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Số lượng bán Đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn VND	Lỗ bán chứng khoán trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết	4.199.226	147.461.018.461	152.967.957.535	5.506.939.074
Chứng chỉ tiền gửi	522.486.317	52.128.948.808.579	52.912.622.243.666	783.673.435.087
Trái phiếu niêm yết	134.000.000	15.056.824.510.000	15.061.672.182.673	4.847.672.673
Trái phiếu chưa niêm yết	26	2.628.725.480	2.664.210.603	35.485.123
Chứng quyền có bảo đảm khác	1.103.000	1.323.844.802	1.399.879.000	76.034.198
Đáo hạn chứng quyền	231.400	-	-	6.929.249
		67.337.186.907.322	**68.131.326.473.477**	**794.146.495.404**

34. Chênh lệch từ đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

Cho kết thúc *Error! Reference source not found.*

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch tăng năm nay VND	Chênh lệch giảm năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	170.420.917.644	148.091.735.391	(22.329.182.253)	10.224.284.068	(32.553.466.321)	(4.777.443.262)	(27.776.023.059)
Trái phiếu niêm yết	1.029.212.500.000	1.029.212.500.000	-	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	1.882.549.216.342	1.882.549.216.342	-	-	-	-	-
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	35.164.108.659	44.629.691.000	9.465.582.341	9.651.582.212	(185.999.871)	(185.999.871)	-
	3.117.346.742.645	**3.104.483.142.733**	**(12.863.599.912)**	**19.875.866.280**	**(32.739.466.192)**	**(4.963.443.133)**	**(27.776.023.059)**

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại cuối năm VND	Chênh lệch đánh giá lại đầu năm VND	Chênh lệch đánh giá lại năm nay VND	Chênh lệch tăng năm nay VND	Chênh lệch giảm năm nay VND
Cổ phiếu niêm yết	157.455.739.208	167.680.023.276	10.224.284.068	2.237.103.382	7.987.180.686	7.951.188.834	35.991.852
Trái phiếu niêm yết	999.786.000.000	999.786.000.000	-	-	-	-	-
Chứng chỉ tiền gửi	746.569.135.567	746.569.135.567	-	-	-	-	-
Chứng chỉ quỹ chưa niêm yết	50.131.577.788	59.783.160.000	9.651.582.212	7.787.240.018	1.864.342.194	1.864.342.194	-
	1.953.942.452.563	**1.973.818.318.843**	**19.875.866.280**	**10.024.343.400**	**9.851.522.880**	**9.815.531.028**	**35.991.852**

35. Lãi từ các tài sản tài chính

(a) Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cổ tức	16.255.966.800	2.708.649.200

(b) Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập lãi tiền gửi có kỳ hạn	313.358.792.405	146.315.985.194
Thu nhập lãi chứng chỉ tiền gửi	18.626.543.858	35.403.379.724
	331.985.336.263	**181.719.364.918**

(c) Lãi từ các khoản cho vay và phải thu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	1.341.171.028.794	1.009.283.368.263
Thu nhập lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	81.945.811.148	46.847.777.448
	1.423.116.839.942	**1.056.131.145.711**

(d) Lãi từ các tài sản tài chính sẵn sàng để bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập từ cổ tức	1.586.831.013	5.752.396.232
Thu nhập lãi trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi	128.194.647.119	169.136.885.182
	129.781.478.132	**174.889.281.414**

36. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	901.297.448.803	609.443.022.042
Doanh thu phí môi giới chứng khoán phái sinh	22.169.009.600	18.711.549.700
	923.466.458.403	**628.154.571.742**

37. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	5.957.006.703	4.185.000.000
Doanh thu thu xếp phát hành trái phiếu	3.989.281.600	21.412.143.800
	9.946.288.303	**25.597.143.800**

38. Thu nhập hoạt động khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập phí chuyển nhượng	138.154.345	267.672.566
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh và/hoặc cho vay ứng trước tiền bán	49.442.461.338	34.722.025.948
Doanh thu dịch vụ khác	10.126.569.145	6.635.642.687
	59.707.184.828	**41.625.341.201**

39. (Hoàn nhập)/chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
(Hoàn nhập)/chi phí dự phòng phải thu và dự thu khó đòi về cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính AFS	(35.296.936.006)	27.774.407.522
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính	(70.959.827.357)	15.845.872.480
Dự phòng giảm giá các khoản cho vay	774.281.629	-
	(105.482.481.734)	**43.620.280.002**

40. Chi phí hoạt động tự doanh

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí tiền lương và chi phí khác cho nhân viên	20.406.573.482	7.005.618.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.177.341.944	1.853.664.964
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.661.284.393	4.543.404.752
Chi phí khác	4.299.410.462	2.229.758.865
	30.544.610.281	**15.632.447.259**

41. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	225.402.733.479	145.710.823.602
Chi phí tiền lương và các chi phí khác cho nhân viên	231.705.936.248	177.298.339.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.186.204.972	49.417.710.573
Chi phí lương kinh doanh cộng tác viên kinh doanh và các khoản chi khác	256.699.611.685	145.015.088.331
Chi phí sửa lỗi giao dịch, lỗi khác hoạt động môi giới	112.898.633	14.644.790
	766.107.385.017	**517.456.606.990**

42. Chi phí các hoạt động khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ kinh doanh chứng khoán	775.900.012	211.599.987

43. Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	749.689.794.539	468.655.656.501
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	85.190.581.377	59.497.407.040
Chi phí hoa hồng bán trái phiếu và huy động vốn	9.473.605.827	13.094.810.906
	844.353.981.743	**541.247.874.447**

44. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lương và các khoản phúc lợi	196.569.901.110	155.469.741.557
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp	4.381.990.000	3.746.172.500
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.350.552.566	2.187.232.889
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.520.872.608	12.609.079.972
Chi phí thuế, phí, lệ phí	60.519.435	83.209.740
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.587.367.664	26.246.234.914
Chi phí dự phòng	-	95.000.000
Chi phí khác	39.262.954.255	39.261.768.938
	280.734.157.638	**239.698.440.510**

45. Thu nhập khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xoá sổ	1.748.840.157	4.057.148.560
Thu tiền được phạt vi phạm hợp đồng	200.000.000	-
Thu về nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	305.076.625	386.818.182
Thu lãi phạt do chậm thanh toán lãi trái phiếu	13.154.763.840	-
Truy thu hoa hồng môi giới	2.973.266.119	-
Thu nhập khác	500.318.695	416.661.661
	18.882.265.436	**4.860.628.403**

46. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**275.779.864.165**	**188.516.830.206**
Năm hiện hành	275.779.864.165	188.516.830.206
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh/(hoàn nhập) các chênh lệch tạm thời	8.353.470.484	(1.425.961.836)
	284.133.334.649	**187.090.868.370**

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.415.006.331.708	930.644.050.935
Điều chỉnh cho các khoản		
Chi phí không được khấu trừ thuế	23.503.139.348	13.325.158.296
Thu nhập từ cổ tức	(17.842.797.813)	(8.461.045.432)
Điều chỉnh khác	-	(53.821.950)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.420.666.673.243	935.454.341.849
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	284.133.334.649	187.090.868.370
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**284.133.334.649**	**187.090.868.370**

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Việc tính thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự xem xét và chấp thuận của cơ quan thuế.

47. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc **Error! Reference source not found.** được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	1.130.872.997.059	743.553.182.565
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(67.852.379.824)	(44.613.190.954)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	**1.063.020.617.235**	**698.939.991.611**

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty ước tính rằng số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm hiện hành bằng 6% lợi nhuận sau thuế năm 2025.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Năm 2025	Năm 2024 (Điều chỉnh lại)	Năm 2024 (Theo báo cáo trước đây)
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	572.782.940	437.639.552	437.639.552
Ảnh hưởng thực hiện bán cổ phiếu quỹ làm tăng cổ phiếu có quyền biểu quyết	-	298	298
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu trong năm 2024	-	80.071.253	80.071.253
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong năm 2024	-	1.617.101	1.617.101
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025 (*)	60.999.404	60.999.404	-
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn thặng dư vốn cổ phần trong năm 2025 (**)	17.179.853	17.179.853	-
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	650.962.197	597.507.461	519.328.204

(*) Trong năm 2025, Công ty đã phát hành 68.733.953 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu của Công ty với giá là 10.000 VND/cổ phiếu, thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu đang lưu hành. Đây được coi là có yếu tố thưởng trong việc phát hành cổ phiếu, công ty thực hiện điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền từ ảnh hưởng của sự kiện trên.

(**) Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu, số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ hiện tại và tất cả các kỳ trình bày phải được điều chỉnh cho các sự kiện tạo ra sự thay đổi về số lượng cổ phiếu phổ thông mà không dẫn đến thay đổi về nguồn. Công ty thực hiện điều chỉnh số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền từ ảnh hưởng của sự kiện trên.

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Điều chỉnh lại)	Năm 2024 (Theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.633	1.170	1.346

(d) Điều chỉnh lại số cổ phiếu bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024

Trong năm 2025, Công ty đã phát hành 68.733.953 cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu của Công ty với giá là 10.000 VND/cổ phiếu, thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu đang lưu hành. Do đó, đây được coi là có yếu tố thưởng trong việc phát hành cổ phiếu. Bên cạnh đó, trong năm 2025, Công ty cũng đã phát hành 17.179.853 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ thặng dư vốn cổ phần.

Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của năm 2024 cũng được điều chỉnh tương ứng để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2024 được điều chỉnh lại như sau:

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	519.328.204	1.346
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025 (*)	60.999.404	(133)
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn thặng dư vốn cổ phần trong năm 2025 (**)	17.179.853	(43)
	597.507.461	1.170

48. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Quân đội	Ngân hàng mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Số dư với các bên liên quan tại **Error! Reference source not found.** và ngày 31 tháng 12 năm 2024, và giá trị các giao dịch cho năm kết thúc **Error! Reference source not found.** và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
	Phải thu/(Phải trả)	
Ngân hàng TMCP Quân đội		
Tiền gửi thanh toán	2.406.545.833.877	1.636.801.278.124
Tiền gửi có kỳ hạn	605.000.000.000	757.000.000.000
Lãi dự thu tiền gửi	3.999.643.839	3.223.553.428
Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	654.885.710.639	242.856.386.672
Phải thu phí quản lý tài sản trên tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng	91.132.325	91.132.325
Phải trả liên quan đến hợp đồng hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh và/hoặc cho vay ứng trước tiền bán	(1.866.327.728)	(1.030.637.741)
Doanh thu ghi nhận trước tiền quản lý cổ đông	-	(45.161.291)
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội		
Đặt cọc thuê văn phòng	1.981.830.756	1.951.096.628
Phải trả chi phí dịch vụ và thuê văn phòng	(9.479.861)	-

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
	Phải thu/(Phải trả)	
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội		
Phải trả phí tư vấn	-	(100.000.000)
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ MB Ageas		
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	-	9.977.300
Trả trước phí bảo hiểm nhân thọ	1.820.000.000	-
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei		
Phải trả tiền vay	-	(133.000.000.000)
Lãi dự trả tiền vay	-	(2.960.616.439)
Phải trả khác	(25.000.013)	(52.272.737)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB		
Phải thu phí duy trì tài khoản	7.203.729	42.427
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	670.600	753.100
Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện Đại		
Tiền gửi thanh toán của công ty	19.809.801	20.331.599
Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	446.314.946	50.337.068.900
Phải trả tiền vay	-	(50.000.000.000)
Lãi dự trả tiền vay	-	(23.013.699)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	Giao dịch	
Ngân hàng TMCP Quân đội		
Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	37.337.462.819	38.897.109.037
Thu nhập phí quản lý cổ đông	617.888.564	604.838.709
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán đã khớp lệnh và/hoặc cho vay ứng trước tiền bán	49.442.461.338	34.722.025.948
Thu nhập phí giao dịch	1.563.950.705	1.220.298.286
Thu nhập phí tư vấn phát hành trái phiếu	1.099.281.600	1.827.276.800
Trả cổ tức bằng tiền	(524.828.683.200)	(418.754.654.400)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	Giao dịch	
Công ty TNHH Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội		
Chi phí tiền điện và thuê văn phòng	(24.548.797.935)	(24.085.386.433)
Công ty Tài chính TNHH MB Shinsei		
Thu nhập phí đại lý lưu ký và thanh toán trái phiếu	27.272.724	27.272.724
Chi phí lãi chứng chỉ tiền gửi	-	(113.013.699)
Chi phí lãi vay	(331.589.040)	(3.029.657.535)
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB		
Thu nhập phí dịch vụ lưu ký, phí duy trì tài khoản và phí chuyển khoản giao dịch chứng khoán	459.442.225	317.447.107
Thu nhập phí phân phối chứng chỉ quỹ	55.946.704	-
Thu nhập phí duy trì tài khoản	4.607.742	147.657
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Quân đội		
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	230.000.000	-
Chi phí bảo hiểm sức khoẻ và bảo hiểm xe	(1.815.262.833)	(1.751.123.494)

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
	Giao dịch	
Thù lao và tiền lương của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Thù lao	1.884.000.000	1.884.000.000
Ông Lê Viết Hải – Chủ tịch	780.000.000	780.000.000
Ông Phan Phương Anh – Phó chủ tịch	312.000.000	312.000.000
Ông Phạm Thế Anh – Thành viên HĐQT độc lập	360.000.000	360.000.000
Bà Nguyễn Minh Hằng – Thành viên	216.000.000	216.000.000
Ông Phạm Xuân Thanh – Thành viên	216.000.000	216.000.000
Tổng Giám đốc và các Thành viên Ban điều hành		
Tiền lương	9.042.900.908	8.621.150.455
Ban Kiểm soát		
Tiền lương	1.368.000.000	1.368.000.000

49. Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2025 VND	31/12/2024 VND
Đến 1 năm	22.448.964.744	22.422.348.443
Từ 1 đến 5 năm	11.933.072.482	15.663.879.343
	34.382.037.226	**38.086.227.786**

50. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Theo Báo cáo kết quả phát hành số 31/MBS-BC ngày 26 tháng 1 năm 2026 của Công ty và Công văn số 972/UBCK/QLKD ngày 29 tháng 1 năm 2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty, số lượng cổ phiếu Công ty thực hiện phát hành thêm theo chương trình lựa chọn cho người lao động là 8.592.194 cổ phiếu.

Ngoài sự kiện trên, cho đến ngày lập báo cáo tài chính này, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

51. Phê duyệt báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt vào ngày 24 tháng 2 năm 2026.

Ngày 24 tháng 2 năm 2026

Người lập:	Người kiểm soát:		Người duyệt:
Tạ Duy Chung	Nguyễn Văn Học	Phạm Thị Kim Ngân	Phan Phương Anh
Kế toán tổng hợp	*Kế toán trưởng*	*Phó Tổng Giám đốc*	*Tổng Giám đốc*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB, L=Ô Chợ Dừa, ST=HÀ NỘI, UID=MST:0106393583
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.03.15 15:20:24+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2025.3.0